



FDVN LAWFIRM



TỔNG HỢP 12 BẢN ÁN LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC CÔNG TY KHẤU TRỪ LƯƠNG NHƯNG KHÔNG ĐÓNG BẢO HIỂM XÃ HỘI CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Hotline: 0772 096 999

Email: fdvnlawfirm@gmail.com

Web: fdvn.vn---fdvnlawfirm.vn---diendanngheluat.vn



MỤC LỤC
TỔNG HỢP 12 BẢN ÁN LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC CÔNG TY KHẤU TRỪ LƯƠNG NHƯNG KHÔNG ĐÓNG BẢO HIỂM XÃ HỘI CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

STT	Nội dung tóm tắt	Số trang
1	<p>Bản án số: 42/2024/LĐ-ST ngày: 29-3-2024 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An</p> <p>Về việc: “Tranh chấp đòi tiền lương, bảo hiểm xã hội và bồi thường thiệt hại”</p> <p>Nội dung vụ án:</p> <p>Bà Trần Thị H là người lao động tại Công ty Cổ phần L theo Hợp đồng lao động số 00603/HĐLĐ/2022-1 ngày 11/6/2022, Hợp đồng xác định thời hạn từ 11/6/2022 đến 10/6/2023 mức lương chính theo hợp đồng là 4.200.000 đồng và được tham gia trích đóng bảo hiểm xã hội hàng tháng theo quy định. Trong thời gian làm việc tại Công ty, hàng tháng Công ty vẫn trừ lương đóng BHXH của người lao động nhưng không đóng bảo hiểm xã hội và nợ tiền lương tháng 12/2022 của người lao động không thanh toán. Nguyên đơn đã nghỉ việc tại Công ty từ tháng 12/2022 cho đến nay. Nay bà H khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần L phải có nghĩa vụ đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp 360 để chốt sổ bảo hiểm cho nguyên đơn; Trả lương tháng 12/2022 cho nguyên đơn với số tiền: 5.600.000 đồng; Bồi thường chi phí đi lại để đòi nợ lương, mất việc làm và chi phí khởi kiện là: 10.000.000 đồng. Ngày 20/02/2024 bà H rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu công ty L đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp 360 để chốt sổ bảo hiểm cho nguyên đơn.</p> <p>Tòa án sơ thẩm nhận định:</p> <p>Tại văn bản số 496/CV-BHXH ngày 22/12/2023 của Bảo hiểm xã hội huyện B khẳng định Công ty Cổ phần L có đăng ký tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN cho bà Trần Thị H và còn nợ số tiền chậm đóng tạm tính đến tháng 12/2023 là 11.963.812 đồng, trong đó số tiền chậm đóng là 10.505.843 đồng và tiền lãi chậm đóng là 1.457.969 đồng. Công ty Cổ phần L chưa thực hiện lập hồ sơ báo giảm, ngưng đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN và chốt trả sổ cho bà H vì lý do Công ty đang nợ tiền đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN từ tháng 12/2021.</p> <p>Căn cứ khoản 2 Điều 48 Bộ luật Lao động, thì người sử dụng lao động có trách nhiệm: “Hoàn thành thủ tục xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và trả lại cùng với bản chính giấy tờ khác nếu người sử dụng lao động đã giữ của người lao động”. Như vậy, có đủ căn cứ buộc Công ty Cổ phần L phải đóng bảo hiểm xã hội cho bà Trần Thị H với số tiền chậm đóng là 10.505.843 đồng và tiền lãi chậm đóng phát sinh theo quy định pháp luật bảo hiểm xã hội.</p> <p>Tòa án sơ thẩm tuyên:</p>	01-06

	<p>Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị H về việc buộc bị đơn Công ty Cổ phần L trả tiền lương tháng 12 với số tiền 5.600.000 đồng và bồi thường chi phí đi lại là 10.000.000 đồng.</p> <p>Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị h với Công ty Cổ phần L về tranh chấp bảo hiểm xã hội.</p>	
2	<p>Bản án số: 33/2024/LĐ-ST ngày: 23- 02 - 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương</p> <p>Về việc: “<i>Tranh chấp về bảo hiểm xã hội</i>”</p> <p>Nội dung vụ án:</p> <p>Năm 2022 bà T ký kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn với công ty TNHH Kỳ Phong, mức lương là 5.575.000 đồng/01 tháng. Quá trình làm việc thì hàng tháng công ty có trừ lương của bà T để nộp bảo hiểm xã hội theo quy định. Đến ngày 08/9/2023 bà T nghỉ việc thì công ty có ban hành Quyết định nghỉ việc. Sau khi bà T nghỉ việc thì công ty không đóng bảo hiểm và chốt sổ bảo hiểm cho bà T theo quy định. Bà t khởi kiện yêu cầu buộc công ty TNHH Kỳ Phong bồi thường số tiền hưởng bảo hiểm thất nghiệp 33.450.000 đồng, truy đóng bảo hiểm xã hội và chốt sổ bảo hiểm xã hội theo quy định. Ngày 15/12/2023, bà T rút yêu cầu khởi kiện với số tiền hưởng bảo hiểm thất nghiệp 33.450.000 đồng, chỉ yêu cầu công ty TNHH Kỳ Phong truy đóng bảo hiểm xã hội và chốt bảo hiểm xã hội.</p> <p>Tòa án sơ thẩm nhận định:</p> <p>Căn cứ công văn 721/CV-BHXH ngày 07/12/2023 của bảo hiểm Thuận An xác định: Bà HTT, sinh ngày 01/01/1972, mã số Bảo hiểm xã hội 7413107641 có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH Kỳ Phong từ tháng 04/2013 đến tháng 8/2023; Công ty TNHH Kỳ Phong đã thanh toán bảo hiểm xã hội cho Bà Trang đến tháng 10/2022. Bà Trang nghỉ việc từ ngày 08/9/2023 nên thời gian công ty TNHH Kỳ Phong phải đóng bảo hiểm xã hội cho bà T phải tính đến hết tháng 08/2023. Như vậy việc Công ty TNHH Kỳ Phong trừ lương của bà T hàng tháng nhưng không trích nộp tiền bảo hiểm xã hội cho bà T và không xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội cho bà T là vi phạm pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Luật bảo hiểm xã hội, khoản 3 Điều 47 của Bộ luật Lao động nên yêu cầu khởi kiện của bà Trang là có căn cứ.</p> <p>Tòa án sơ thẩm tuyên:</p> <p>Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà HTT đối với bị đơn Công ty TNHH Kỳ Phong về việc “<i>Tranh chấp bảo hiểm xã hội</i>”.</p> <p>Buộc Công ty TNHH Kỳ Phong phải đóng tiền bảo hiểm xã hội cho bà HHTT có mã số bảo hiểm xã hội: 7413107641 tại Bảo hiểm xã hội thành phố Thuận An từ tháng 11/2022 đến tháng 08/2023. Mức đóng và số tiền phải đóng được thực hiện theo quy định của pháp luật về Bảo hiểm xã hội.</p>	07-10

	<p>Buộc Công ty TNHH Kỳ Phong thực hiện xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội cho bà HTT theo quy định của pháp luật.</p> <p>Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà HTT về việc yêu cầu bị đơn Công ty TNHH Kỳ Phong bồi thường bồi thường số tiền hưởng bảo hiểm thất nghiệp 33.450.000 đồng</p>	
<p>3</p>	<p>Bản án số: 108/2025/LĐ-ST ngày: 21/04/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh</p> <p>Về việc: “Tranh chấp về bảo hiểm xã hội”</p> <p>Nội dung vụ án:</p> <p>Ngày 21/01/2019, bà Phạm Thị Đức D được tuyển dụng vào làm việc cho công ty TNHH I, ngày 01/07/2021 bà D và Công ty TNHH I ký hợp đồng lao động số 00302/HĐLĐ-INX không xác định thời hạn. Sau khi hết hạn hợp đồng thì bà D vẫn tiếp tục làm việc cho công ty nhưng công ty không giao kết hợp đồng lao động. Mức đóng BHXH trước khi nghỉ việc là 5.992.000 đồng/tháng. Ngày 14/03/2023 công ty ra quyết định cho bà D nghỉ việc. Quá trình làm việc tại công ty, hàng tháng công ty đều trừ lương của bà D để tham gia các loại BHXH theo quy định. Qua quá trình kiểm tra tại cơ quan BHXH, bà D phát hiện công ty chỉ mới đóng BHXH cho bà đến hết tháng 09/2021, từ tháng 10/2021 đến tháng 02/2023 công ty chưa đóng BHXH, chưa xác nhận hết quá trình tham gia BHXH cho bà D. Bà D khởi kiện yêu cầu công ty TNHH I phải đóng BHXH cho bà từ tháng 10/2021 đến tháng 02/2023 và xác nhận thời gian đóng BHXH cho bà D.</p> <p>Tòa án sơ thẩm nhận định:</p> <p>Hợp đồng lao động giữa bà D và công ty TNHH I có hiệu lực pháp luật, là căn cứ để phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia. Trong thời gian làm việc tại công ty, bà D đã thực hiện đúng công việc theo thỏa thuận. Ngày 14/03/2023 giữa bà D và công ty đã thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động.</p> <p>Công văn số 19/BHXH ngày 25/02/2025 thể hiện công ty TNHH I đã: “<i>Không đóng bảo hiểm xã hội cho bà D từ tháng 10/2021 đến tháng 02/2023; Đóng bảo hiểm y tế đủ cho bà D từ tháng 04/2019 đến tháng 02/2023; Đóng bảo hiểm thất nghiệp đủ và thực hiện xác nhận quá trình cho bà D từ tháng 04/2019 đến tháng 02/2023</i>”.</p> <p>Công ty TNHH I trừ lương của bà D hàng tháng nhưng không trích nộp BHXH cho bà D và không xác nhận thời gian đóng BHXH cho bà D là vi phạm pháp luật, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà D.</p> <p>Tòa án sơ thẩm tuyên:</p> <p>Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Đức D.</p>	<p>11-16</p>
<p>4</p>	<p>Bản án số: 326/2025/LĐ-ST ngày: 27-6-2025 của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương</p> <p>Về việc: “Tranh chấp về bảo hiểm xã hội”</p> <p>Nội dung vụ án:</p>	<p>17-21</p>

	<p>Tháng 11 năm 2010 bà Lâm Thị Tuyết M và Công ty TNHH M2 ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn với Công ty TNHH M2 với mức lương 5.214.000 đồng. Ngày 24/9/2024 Công ty TNHH M2 đóng cửa mà không thông báo cho bà M, cũng không thanh toán cho bà M số lương còn nợ là 13.000.000 đồng. Bà M được biết khoảng giữa năm 2023, Công ty TNHH M2 chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán bảo hiểm xã hội cho bà M theo quy định, mặc dù hàng tháng vẫn trừ tiền bảo hiểm vào tiền lương của bà M, cụ thể Công ty TNHH M2 chưa thanh toán bảo hiểm cho bà M từ tháng 07 năm 2023 đến tháng 09 năm 2024. Bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:</p> <p>Buộc Công ty TNHH M2 phải thanh toán cho bà Lâm Thị Tuyết M tiền lương còn nợ từ tháng 08 đến tháng 09 năm 2024 là 13.000.000 đồng.</p> <p>Buộc Công ty TNHH M2 phải đóng Bảo hiểm xã hội và chốt trả bảo hiểm xã hội cho bà Lâm Thị Tuyết M từ tháng 07 năm 2023 đến tháng 09 năm 2024 theo quy định của pháp luật.</p> <p>Trong quá trình tố tụng, bà M thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu Công ty M2 đóng BHXH và chốt trả BHXH cho bà M từ tháng 07 năm 2023 đến tháng 09 năm 2024.</p> <p>Tòa án sơ thẩm nhận định:</p> <p>Căn cứ Công văn số 522/CV-BHXH ngày 22/5/2025 của Bảo hiểm xã hội thành phố T xác định: Bà Lâm Thị Tuyết M, sinh ngày 01/01/1968, CCCD số 089168012781; mã số Bảo hiểm xã hội 7411043958 có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH M2 từ tháng 03/2011, Công ty TNHH M2 đã thanh toán bảo hiểm xã hội cho bà M đến tháng 06/2023. Tháng 9 năm 2024 Công ty TNHH M2 đóng cửa, bà M cũng chính thức nghỉ việc tại Công ty vào thời gian này. Như vậy việc Công ty TNHH M2 trừ lương của bà M hàng tháng nhưng không trích nộp tiền bảo hiểm xã hội cho bà M và không xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội cho bà M là vi phạm pháp luật, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà M.</p> <p>Tòa án sơ thẩm tuyên:</p> <p>Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị Tuyết M đối với Công ty TNHH M2 về việc “Tranh chấp về bảo hiểm xã hội”.</p>	
<p>5</p>	<p>Bản án số: 08/2025/LĐ-ST ngày: 19-8-2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 18 Thành phố Hồ Chí Minh</p> <p>Về việc: “Tranh chấp về bảo hiểm xã hội”</p> <p>Nội dung vụ án:</p> <p>Tháng 08/2018, công ty TNHH BNP và ông Đ ký hợp đồng lao động, đến tháng 04/2025 thì nghỉ việc. Quá trình làm việc tại Công ty cho đến tháng 02/2023 thì Công ty đã tham gia đóng, trích đóng các khoản bảo hiểm cho ông Đ theo đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên từ tháng 3/2023 cho đến khi ông Đ nghỉ việc là tháng hết tháng 4/2025 thì Công ty vẫn chưa đóng bất kỳ khoản tiền bảo hiểm nào cho</p>	<p>22-29</p>

ông Đ. Ông Đ khởi kiện yêu cầu công ty phải đóng, nộp đầy đủ các khoản bảo hiểm cho ông Đ từ tháng 3/2023 cho đến hết tháng 4/2025, mức lương làm căn cứ đóng bảo hiểm qua từng khoảng thời gian như sau:

Từ tháng 3/2023 đến tháng 10/2023 đóng trên mức lương: 6.760.000 đồng;

Từ tháng 11/2023 đến tháng 7/2024 đóng trên mức lương 6.810.000 đồng;

Từ tháng 8/2024 đến tháng 4/2025 đóng trên mức lương 7.090.000 đồng.

Tổng số tiền bảo hiểm mà công ty còn nợ, phải đóng cho ông Đ là 57.337.600 đồng.

Tòa án sơ thẩm nhận định:

Xét thấy mức lương làm căn cứ đóng bảo hiểm theo nguyên đơn yêu cầu và theo sự thừa nhận của bị đơn phù hợp với thông tin do Bảo hiểm xã hội Bến Cát cung cấp về mức tham gia bảo hiểm của bị đơn cho nguyên đơn đã đăng ký với cơ quan Bảo hiểm xã hội nên có cơ sở để chấp nhận mức lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn.

Theo trình bày của nguyên đơn cũng như sự thừa nhận của bị đơn thì bị đơn đã chậm đóng bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn từ tháng 3/2023 cho đến khi nguyên đơn nghỉ việc tại Công ty là tháng 4/2024, tổng cộng là 26 tháng. Cũng theo thừa nhận của bị đơn thì trong khoảng thời gian chậm đóng này, phía bị đơn vẫn khấu trừ tiền bảo hiểm xã hội (nghĩa vụ đóng của người lao động=10,5% mức thu nhập đóng bảo hiểm) vào tiền lương của nguyên đơn và chưa nộp cho cơ quan bảo hiểm xã hội. Như vậy hành vi của bị đơn đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của người lao động, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn đóng toàn bộ số tiền bảo hiểm xã hội (nghĩa vụ của cả người lao động và người sử dụng lao động) là có căn cứ chấp nhận.

Ông Đ và Bảo hiểm xã hội Bến Cát không yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi do chậm đóng Bảo hiểm xã hội. Tuy nhiên tại khoản 3 Điều 122 Luật Bảo hiểm xã hội có quy định "...Người sử dụng lao động có hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 17 của Luật này từ 30 ngày trở lên thì ngoài việc phải đóng đủ số tiền chưa đóng, chậm đóng và bị xử lý theo quy định của pháp luật, còn phải nộp số tiền lãi bằng 02 lần mức lãi suất đầu tư quỹ bảo hiểm xã hội bình quân của năm trước liền kề tính trên số tiền, thời gian chậm đóng..." và tại Điều 37 Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14/7/2017 của B ban hành quy trình thu BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN; quản lý số BHXH, thẻ BHYT quy định cách tính lãi chậm đóng cụ thể như sau: "...Đơn vị chậm đóng BHXH bắt buộc, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN từ 30 ngày trở lên thì phải đóng số tiền lãi tính trên số tiền BHXH bắt buộc, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN chưa đóng...". Mặt khác đại diện hợp pháp của bị đơn có ý kiến về việc tự nguyện chịu tiền lãi suất do chậm đóng bảo hiểm cho ông Đ theo quy định. Do đó về nghĩa vụ chịu tiền lãi do chậm đóng bảo hiểm xã hội sẽ được thực hiện theo quy định trên.

Tòa án sơ thẩm tuyên:

	<p>Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn Đ đối với bị đơn Công ty TNHH BNP về việc tranh chấp bảo hiểm xã hội.</p> <p>Công ty TNHH BNP phải chịu mức lãi suất trên số tiền chậm đóng tiền bảo hiểm xã hội theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội.</p>	
6	<p>Bản án số: 168/2025/LĐ-ST ngày: 31 - 3 - 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương</p> <p>Về việc: “<i>Tranh chấp về bảo hiểm xã hội</i>”</p> <p>Nội dung vụ án:</p> <p>Ngày 01/08/2023, bà Nguyễn Thị H và công ty TNHH J1 ký kết hợp đồng xác định thời hạn 1 năm, hàng tháng công ty trừ tiền lương của bà H để đóng bảo hiểm xã hội. Cuối năm 2023, bà H được công ty cho nghỉ đến khi có công việc thì làm lại do tình hình kinh doanh của công ty gặp khó khăn. Tuy nhiên khi bà H làm thủ tục bảo hiểm xã hội mới biết công ty không đóng bảo hiểm và không chốt sổ cho bà theo quy định. Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH J1 CO.,LTD đóng tiền bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn thời gian từ tháng 08 năm 2023 đến tháng 12 năm 2023 và thực hiện các thủ tục chốt sổ Bảo hiểm xã hội cho bà Nguyễn Thị H theo quy định của pháp luật.</p> <p>Tòa án sơ thẩm nhận định:</p> <p>Qua các tài liệu thu thập, ý kiến trình bày của bị đơn, có cơ sở xác định: Từ tháng 8/2023 đến tháng 12/2023 Công ty TNHH J1 Co.,Ltd trích lương của bà Nguyễn Thị H nhưng không nộp tiền bảo hiểm xã hội cho bà Nguyễn Thị H và không xác nhận thời gian tham gia bảo hiểm xã hội cho bà Nguyễn Thị H là vi phạm pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị H theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội, khoản 3 Điều 47 của Bộ luật Lao động nên yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H là có căn cứ.</p> <p>Tòa án sơ thẩm tuyên:</p> <p>Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đối với bị đơn Công ty TNHH J1 về việc “<i>Tranh chấp bảo hiểm xã hội</i>”.</p>	30-34
7	<p>Bản án số: 101/2025/LĐ-ST ngày: 06 – 3 - 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương</p> <p>Về việc: “<i>Tranh chấp về bảo hiểm xã hội</i>”.</p> <p>Nội dung vụ án:</p> <p>Bà A ký kết hợp đồng lao động với công ty TNHH A10 từ ngày 14/09/2017 đến ngày 23/02/2024 với mức lương thỏa thuận 5.800.000 đồng/01 tháng, mức lương tham gia bảo hiểm xã hội là 5.177.891 đồng. Trong thời gian làm việc thì công ty còn nợ tiền lương tháng 01/2024 3.000.000 đồng/01 tháng và tiền thâm niên năm 2023 là 3.200.000 đồng. Cuối năm 2023 công ty gặp khó khăn trong kinh doanh, công ty có trừ tiền lương của bà A không đóng tiền bảo hiểm xã hội cho bà A tháng 04/2021 đến tháng 7/2021; từ tháng 8/2021 đến tháng 11/2021 bà A không tham gia bảo hiểm xã hội; từ tháng 04/2021 đến tháng 01/2024 công ty không</p>	35-39

tham gia đóng bảo hiểm xã hội. Bà A có đơn xin nghỉ việc tháng 01/2024 nhưng công ty không ban hành quyết định nghỉ việc cho bà A, không trả lương và không chốt sổ bảo hiểm cho bà A. Bà A khởi kiện buộc công ty TNHH A10 trả lương tháng 01/2024 là 3.000.000 đồng, tiền thâm niên năm 2023 là 3.200.000 đồng. Buộc công ty TNHH A10 xác nhận thời gian tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 01/2022 đến tháng 01/2024 cho bà Nguyễn Thị L A. Trong quá trình tố tụng, bà A rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ buộc công ty TNHH 11 xác nhận thời gian tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 01/2022 đến tháng 01/2024.

Tòa án sơ thẩm nhận định:

Căn cứ công văn 1162/CV-BHXH ngày 22/11/2024 của bảo hiểm xã hội thành phố T xác định: Bà Nguyễn Thị Lan A có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH A10 tháng 11/2018. Công ty TNHH A10 đóng BHXH cho bà Nguyễn Thị Lan A10 đến tháng 4/2021, tuy nhiên từ tháng 4/2021 đến tháng 01/2024 không thanh toán tiền bảo hiểm xã hội cho bà A. Việc Công ty TNHH A10 trừ lương của A hàng tháng nhưng không trích nộp tiền bảo hiểm xã hội cho bà A là vi phạm pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà A.

Tòa án sơ thẩm tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Lan A.

Buộc Công ty TNHH A10 đóng tiền bảo hiểm xã hội cho bà Nguyễn Thị Lan A từ tháng 4/2021 đến tháng 01/2024.

Buộc Công ty TNHH A10 xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội cho bà Nguyễn Thị Lan A theo quy định của pháp luật.

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Lan A về việc yêu cầu bị đơn toán tiền lương tháng 01/2024 là 3.000.000 đồng và tiền thâm niên năm 2023 là 3.000.000 đồng.

Bản án số: 251/2025/LĐ-ST ngày: 05 - 6 - 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Về việc: “*Tranh chấp về bảo hiểm xã hội*”

Nội dung vụ án:

Tháng 06/2018, công ty TNHH A và bà Y ký kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Đầu tháng 5/2022 bà Y có đơn xin nghỉ việc, đến cuối tháng 5/2022 bà Y chính thức nghỉ việc tại Công ty. Khi làm thủ tục tại bảo hiểm xã hội, bà Y được biết từ tháng 4/2021 đến tháng 4 năm 2022 công ty không đóng bảo hiểm và không chốt sổ cho bà Y theo quy định. Nay bà Y khởi kiện yêu cầu Công ty đóng tiền bảo hiểm xã hội và chốt trả sổ bảo hiểm xã hội cho bà từ tháng 4 năm 2021 đến tháng 4 năm 2022.

Tòa án sơ thẩm nhận định:

Căn cứ công văn số 12/CV-BHXH ngày 04/4/2025 của Bảo hiểm xã hội thành phố T xác định: Bà Trương Thị Y tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp với mã số bảo

8

40-43

	<p>hiểm 4014015433, từ tháng 7/2018 đến tháng 4/2022 trong đó có thời gian không tham gia từ tháng 8/2021 đến tháng 9/2021 và nghỉ chế độ thai sản từ tháng 10/2021 đến tháng 11/2021. Thời gian tham gia từ tháng 7/2018 đến tháng 4/2022 chưa được xác nhận chốt sổ cấp tờ rời sổ BHXH do Công ty TNHH A chưa đóng tiền BHXH, BHTN hoàn tất đến tháng 4/2022. Tính đến ngày 02/4/2025 số tiền nợ tạm tính mà Công ty TNHH A chưa đóng Y là 14.420.003đồng. Việc công ty trích lương của bà Y nhưng không nộp tiền bảo hiểm xã hội cho bà Y và không xác nhận thời gian tham gia bảo hiểm xã hội cho bà Y là vi phạm pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Y.</p> <p>Tòa án sơ thẩm tuyên:</p> <p>Buộc Công ty TNHH A có trách nhiệm đóng bảo hiểm xã hội cho bà Y, sinh từ tháng 4/2021 đến tháng 4/2022.</p> <p>Buộc Công ty TNHH A thực hiện xác nhận thời gian tham gia bảo hiểm xã hội cho bà Trương Thị Y theo quy định của pháp luật.</p>	
<p>9</p>	<p>Bản án số: 13/2024/LĐ-ST ngày: 24- 9 - 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương</p> <p>Về việc: “Tranh chấp bảo hiểm xã hội”</p> <p>Nội dung vụ án:</p> <p>Ông Lê Tấn Đ làm việc tại công ty TNHH MTV C từ ngày 04/6/2022 đến ngày 29/02/2024 thông qua 02 hợp đồng lao động là Hợp đồng ngày 04/6/2022 và Hợp đồng lao động ngày 01/7/2023, mức lương 7.496.650 đồng. Đến ngày 01/3/2024 ông Đ nghỉ việc theo Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 10003634-2024/QĐTV-VFP. Đến nay công ty chưa chốt sổ BHXH cho ông và chậm đóng bảo hiểm 3 tháng cho ông Đ. Ông Đ khởi kiện yêu cầu Công ty C đóng BHXH, BHTN cho ông Đ từ tháng 12/2023 đến tháng 02/2024 và hoàn thành thủ tục xác nhận thời gian đóng BHXH, BHTN.</p> <p>Tòa án sơ thẩm nhận định:</p> <p>Căn cứ công văn số 1803/BHXH-TST ngày 22/8/2024 của Bảo hiểm xã hội tỉnh B thì Công ty C chưa thanh toán tiền BHXH cho ông Lê Tiến Đ1 đến tháng 02/2024 với số tiền 7.525.944 (bao gồm cả tiền lãi chậm đóng), số tháng nợ là 03 tháng. Tại bản tự khai ngày 16/7/2024, bị đơn cũng xác nhận chưa đóng BHXH cho ông Đ1 từ tháng 12/2023 đến tháng 02/2024. Như vậy, trong thời gian làm việc tại Công ty C, ông Đ1 đóng bảo hiểm đầy đủ, phía Công ty đã trừ tiền lương hàng tháng của ông Đ1 nhưng không trích nộp tiền BHXH cho ông Đ1, không xác nhận thời gian đóng BHXH cho ông Đ1 là vi phạm pháp luật và làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông Đ1.</p> <p>Công ty TNHH MTV C xác định chưa đóng bảo hiểm xã hội cho ông Đ từ tháng 012/2023 đến tháng 02/2024 nhưng chỉ đồng ý đóng với số tiền 5.622.488 đ là không đúng, vì theo quy định tại điểm 1.2 khoản 72 Điều 1 Quyết định số</p>	<p>44-48</p>

505/QĐ-BHXH ngày 23/7/2020 của B thì “Đối với đơn vị nợ tiền đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN, nếu người lao động đủ điều kiện hưởng BHXH hoặc chấm dứt HĐLĐ, HĐLV thì đơn vị có trách nhiệm đóng đủ BHXH, BHYT, BHTNLĐ, BNN, bao gồm cả tiền lãi chậm đóng theo quy định, cơ quan BHXH xác nhận số BHXH để kịp thời giải quyết chế độ BHXH, BHYT cho người lao động...”. Do Công ty C không thực hiện việc đóng BHXH cho ông Đ1 nên ngoài việc phải đóng tiền BHXH thì Công ty C phải có trách nhiệm nộp tiền lãi chậm đóng cho cơ quan bảo hiểm.

Theo Công văn số 1803/BHXH-TST ngày 22/8/2024 của Bảo hiểm xã hội tỉnh B cũng xác định Công ty C chỉ chưa đóng BHXH cho ông Đ1 đến tháng 02/2024, số tháng nợ là 03 tháng. Như vậy, có căn cứ xác định Công ty C đã đóng đủ BHYT cho ông Đ1 nên việc ông Đ1 yêu cầu Công ty C đóng BHYT cho ông Đ1 từ tháng 12/2023 đến tháng 02/2024 là không có căn cứ chấp nhận.

Tòa án sơ thẩm tuyên:

Buộc Công ty TNHH MTV C có nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 12/2023 đến tháng 02/2024 cho ông Đ1.

Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tấn Đ về việc yêu cầu Công ty TNHH MTV C đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Bản án số: 49/2024/LĐ-ST ngày: 20 - 9 - 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An

Về việc: “Tranh chấp về bảo hiểm xã hội”

Nội dung vụ án:

Công ty TNHH R và bà D ký kết hợp đồng lao động từ tháng 03/2022 đến tháng 10/2022, mức lương 6.900.000 đồng, tiền phụ cấp là 1.400.000 đồng, tổng cộng là 8.300.000 đồng. Trong thời gian bà D làm việc tại Công ty, mỗi tháng công ty TNHH R vẫn trích từ tiền lương của bà để đóng bảo hiểm. Tuy nhiên, từ tháng 09/2022 đến tháng 10/2022 công ty R chưa đóng bảo hiểm xã hội cho bà D. Vì vậy, bà Thị D khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH R đóng bảo hiểm xã hội cho bà D từ tháng 9/2022 cho đến tháng 10/2022 và lập hồ sơ xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội của bà Thị D trong khoảng thời gian từ tháng 8/2022 đến tháng 10/2022.

Tòa án sơ thẩm nhận định:

Bảo hiểm xã hội thành phố D xác nhận công ty TNHH R có tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 08/2022 đến tháng 10/2022 cho bà L nhưng công ty chưa đóng tiền bảo hiểm xã hội, công ty TNHH R nợ tiền bảo hiểm từ tháng 08/2022 cho đến tháng 10/2022, nên chưa thể chốt sổ bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật. Quá trình tố tụng, bị đơn cũng thừa nhận chưa đóng bảo hiểm xã hội cho bà D của tháng 9/2022 và tháng 10/2022. Như vậy, việc bị đơn đã trừ tiền lương hàng tháng của nguyên đơn nhưng không trích nộp tiền bảo hiểm xã hội, không chốt sổ bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn là vi phạm đến quyền lợi, hợp pháp của nguyên đơn.

10

49-52

	<p>Tòa án sơ thẩm tuyên: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Thị D đối với Công ty TNHH R về việc tranh chấp về bảo hiểm xã hội.</p>	
<p>11</p>	<p>Bản án số: 03/2024/LĐ-ST ngày: 09-8-2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương Về việc: “Tranh chấp về bảo hiểm xã hội” Nội dung vụ án: Bà Hà Thị Ngư M bắt đầu làm việc tại Công ty TNHH G từ ngày 13/4/2015, hai bên có ký hợp đồng lao động, mức lương khởi điểm là 4.700.000 đồng. Tháng 01/2024 bà M xin nghỉ việc tại công ty. Đến ngày 25/01/2024, Công ty ban hành quyết định nghỉ việc cho bà M. Tuy nhiên, Công ty chưa chốt sổ bảo hiểm xã hội cho bà M đầy đủ mặc dù hàng tháng công ty vẫn trích từ tiền lương của bà để đóng bảo hiểm. Do quyền lợi bị ảnh hưởng nên bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH G có trách nhiệm chốt sổ bảo hiểm xã hội cho bà từ tháng 10/2015 đến tháng 01/2024.</p> <p>Tòa án sơ thẩm nhận định: Đại diện của Bảo hiểm xã hội T xác nhận Công ty TNHH G có tham gia bảo hiểm xã hội cho bà M từ tháng 08/2015 đến tháng 01/2024 (đã nộp tiền bảo hiểm xã hội cho đến hết tháng 01/2018), thời gian còn lại bị đơn đang nợ tiền bảo hiểm xã hội nên chưa thể chốt sổ bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật. Như vậy, việc bị đơn đã trừ tiền lương hàng tháng của nguyên đơn nhưng không trích nộp tiền bảo hiểm xã hội, không chốt sổ bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn là vi phạm đến quyền lợi, hợp pháp của nguyên đơn theo quy định tại khoản 5 Điều 21 và là hành vi bị nghiêm cấm quy định tại khoản 1 Điều 17 Luật bảo hiểm xã hội năm 2014; khoản 2 và khoản 3 Điều 47 Bộ Luật lao động.</p> <p>Tòa án sơ thẩm tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hà Thị Ngư M đối với bị đơn Công ty TNHH G về việc “Tranh chấp về bảo hiểm xã hội”.</p>	<p>53-56</p>
<p>12</p>	<p>Bản án số: 07/2023/LĐ-ST ngày: 25/9/2023 của Tòa án nhân dân Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh Về việc: “Tranh chấp bảo hiểm xã hội” Nội dung vụ án: Ngày 05/02/2020, bà T.H.T.M.N và Công ty Trách nhiệm hữu hạn V.T (gọi tắt là Công ty V.T) có ký kết Hợp đồng lao động số TT-HCM-017/HDLĐ/20/01 và Phụ lục hợp 1 đồng lao động số TT-HCM-017/HDLĐ/20/01, thời hạn hợp đồng từ ngày 05/02/2020 đến 30/12/2020, mức lương là 19.750.000 đồng/tháng, trích đóng bảo hiểm hàng tháng là 32%, trong đó người lao động trích đóng 10.5% và người sử dụng lao động trích đóng 21.5%. Đến ngày 21/11/2020, bà N được chuyển đổi hợp đồng lao động từ Công ty V.T sang Công ty Trách nhiệm hữu hạn Q.N. Bà N và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Q.N có ký kết Hợp đồng lao động số TT-HCM-</p>	<p>57-62</p>

004.HDLD/20/01, thời hạn hợp đồng là 01 tháng 10 ngày, từ ngày 21/11/2020 đến 31/12/2020. Bà N sẽ do Công ty Q.N trực tiếp quản lý và tiếp tục đóng bảo hiểm xã hội nối tiếp với thời gian đóng thời gian bảo hiểm xã hội tại Công ty V.T. Năm 2021 bà N chấm dứt hợp đồng lao động với công ty V.T. Qua quá trình kiểm tra, bà N được biết công ty V.T chưa thực hiện việc đóng bảo hiểm xã hội cho bà từ tháng 02/2020 đến tháng 11/2020. Do đó, bà N khởi kiện buộc Công ty V.T thực hiện việc đóng tiền bảo hiểm xã hội còn thiếu cho bà từ tháng 02/2020 đến tháng 11/2020 với mức lương được ký kết trong hợp đồng lao động là 19.750.000 đồng/tháng. Đồng thời, yêu cầu Công ty V.T tiến hành chốt sổ và trả sổ bảo hiểm xã hội cho bà.

Tòa án sơ thẩm nhận định:

Căn cứ chi tiết bảng lương hàng tháng và sao kê tài khoản do nguyên đơn cung cấp từ tháng 02/2020 đến tháng 11/2020, Công ty V.T đều trích tiền lương của bà M.N theo quy định để nộp tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp.

Căn cứ công văn 438/BHXH-TST ngày 07/7/2023 của Bảo hiểm xã hội Quận 3 thì Công ty V.T có đăng ký tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN cho bà T.H.T.M. N từ tháng 02/2020 – 10/2020, mức lương 19.500.000 đồng, sau đó điều chỉnh lên mức lương 19.750.000 đồng. Tuy nhiên tính đến ngày 05/7/2023 thì Công ty TNHH V.T chỉ hoàn thành việc trích nộp BHXH cho người lao động đến tháng 8/2019. Căn cứ nội dung trả lời xác minh cho thấy Công ty TNHH V.T đã không trích nộp BHXH cho bà T.H.T.M.N, mặc dù hàng tháng Công ty V.T đều trích trừ tiền lương của bà M.N từ tháng 02/2020 đến tháng 11/2020, để đóng bảo hiểm cho bà N.

Tòa án sơ thẩm tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M.N: Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn V.T phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho bà T.H.T.M.N từ tháng 02/2020 đến tháng 11/2020 tại Bảo hiểm xã hội Quận 3. Mức lương đóng bảo hiểm là 19.750.000 đồng.

Công ty trách nhiệm hữu hạn V.T còn phải chịu khoản tiền lãi do chậm đóng các khoản bảo hiểm trên cho Bảo hiểm xã hội Quận 3 với mức lãi suất theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội tương ứng với thời gian chậm đóng.

Bản án số: 42/2024/LĐ-ST
Ngày: 29-3-2024
V/v tranh chấp đòi tiền lương, bảo
hiểm xã hội và bồi thường thiệt hại

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Miên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Nam – Phó phòng Lao động Thương binh và Xã hội.
2. Ông Lê Văn Thuận – Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Phước Long- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Đỗ Phúc Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số: 360/2023/TLST-LĐ ngày 24/11/2023; về việc “*Tranh chấp về bảo hiểm xã hội, đòi tiền lương, bồi thường thiệt hại về tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2024/QĐXXST-LĐ ngày 21 tháng 02 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2024/QĐST-LĐ ngày 13 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp theo uỷ quyền: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1966; Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Long An. (theo Giấy uỷ quyền ngày 07/11/2023).

- Bị đơn: Công ty Cổ phần L.

Địa chỉ trụ sở chính: Lô D, Đường D, Khu Công nghiệp P, xã A, huyện B, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật: Ông Lê T1 – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bảo hiểm xã hội huyện B.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật: Bà Lê Thị Huỳnh H1 – Giám đốc.

(Công ty Cổ phần L vắng mặt, bà T, Bảo hiểm xã hội huyện B yêu cầu vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Trần Thị H do bà Nguyễn Thị Thanh T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà Trần Thị H là người lao động tại Công ty Cổ phần L theo Hợp đồng lao động số 00603/HĐLĐ/2022-1 ngày 11/6/2022, Hợp đồng xác định thời hạn từ 11/6/2022 đến 10/6/2023 mức lương chính theo hợp đồng là 4.200.000 đồng và được tham gia trích đóng bảo hiểm xã hội hàng tháng theo quy định. Trong thời gian làm việc tại Công ty, hàng tháng Công ty vẫn trừ lương đóng BHXH của người lao động nhưng không đóng bảo hiểm xã hội và nợ tiền lương tháng 12/2022 của người lao động không thanh toán. Nguyên đơn đã nghỉ việc tại Công ty từ tháng 12/2022 cho đến nay.

Do Công ty còn nợ lương tháng 12/2022 của người lao động và không đóng bảo hiểm xã hội trong thời gian người lao động làm việc tại Công ty từ tháng 6/2022 đến tháng 12/2022 nên người lao động đã nộp đơn yêu cầu tổ chức hoà giải tranh chấp lao động tại Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện B nhưng không thành vì Công ty Cổ phần L không có mặt.

Theo cung cấp thông tin của Bảo hiểm xã hội huyện B thì nguyên đơn có tham gia Bảo hiểm xã hội số sổ là 8021948372, Công ty Cổ phần L chậm đóng Bảo hiểm xã hội đối với nguyên đơn số tiền 10.505.843 đồng và tiền lãi chậm đóng phát sinh đến tháng 12/2023.

Tại đơn khởi kiện ngày 31/07/2023, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần L như sau:

- Công ty Cổ phần L phải có nghĩa vụ đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp 360 để chốt sổ bảo hiểm cho nguyên đơn.

- Trả lương tháng 12/2022 cho nguyên đơn với số tiền: 5.600.000 đồng.

- Bồi thường chi phí đi lại để đòi nợ lương, mất việc làm và chi phí khởi kiện là: 10.000.000 đồng.

Tại đơn đề nghị thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện ngày 20/02/2024 và quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Thanh T đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Công ty Cổ phần L trả tiền lương tháng 12/2022 với số tiền 5.600.000 đồng và bồi thường chi phí đi lại với số tiền là 10.000.000 đồng.

Bị đơn Công ty Cổ phần L đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Bảo hiểm xã hội huyện B, tỉnh Long An đã cung cấp số liệu bảo hiểm xã hội của bà Trần Thị H và có Đơn đề nghị vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, các phiên xét xử của Tòa án các cấp.

Tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp cho Tòa án gồm: Hợp đồng lao động 00603/HĐLD/2022-1 ngày 11/6/2022; Sổ bảo hiểm xã hội; Biên bản làm việc, căn cước công dân của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo pháp luật tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về trả tiền lương tháng 12/2022 với số tiền 5.600.000 đồng và 10.000.000 đồng chi phí đi lại. Việc rút đơn là tự nguyện nên đề nghị đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này của nguyên đơn.

Về yêu cầu đóng bảo hiểm xã hội để chốt sổ bảo hiểm: Theo quy định khoản 1 Điều 186 Bộ luật Lao động, Điều 2 và khoản 2 Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội thì người sử dụng lao động, người lao động phải tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc; hằng tháng người sử dụng lao động có trách nhiệm trích tiền lương của người lao động để đóng cùng một lúc vào quỹ bảo hiểm xã hội. Việc Công ty L không thực hiện đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 06/2022 đến tháng 12/2022 cho bà H là trái quy định của pháp luật nên cần phải buộc Công ty thực hiện đóng bảo hiểm xã hội với số tiền gốc và tiền lãi phạt chậm đóng tạm tính đến tháng 12/2023 theo bảng tạm tính của Bảo hiểm xã hội huyện B là 11.963.812 đồng. Căn cứ các Điều 168, Điều 188 của Bộ luật Lao động 2019; Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 21, Điều 85, Điều 86, khoản 2 Điều 89 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Nguyên đơn tranh chấp đòi tiền lương, tiền bảo hiểm, bồi thường chi phí đi lại, bị đơn có trụ sở chính tại xã A, huyện B, tỉnh Long An. Căn cứ khoản 5 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp đòi tiền lương, tiền bảo hiểm và bồi thường chi phí đi lại”. Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An có thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án: Nguyên đơn bà Trần Thị H khởi kiện bị đơn Công ty Cổ phần L. Căn cứ Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xác định Công ty Cổ phần L bị đơn, Bảo hiểm xã hội huyện B, tỉnh Long An là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[3] Bị đơn Công ty Cổ phần L đã được Tòa án triệu tập lần thứ 2 vắng mặt không có lý do; bà Nguyễn Thị Thanh T và Bảo hiểm xã hội huyện B, tỉnh Long An có Đơn đề nghị vắng mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định.

[4] Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện: Ngày 20/02/2024, nguyên đơn xin rút lại yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Công ty Cổ phần L trả tiền lương tháng 12/2022 với số tiền 5.600.000 đồng và bồi thường chi phí đi lại với số tiền là 10.000.000 đồng. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nội dung: xét yêu cầu của nguyên đơn, thấy rằng:

[5] Bà Trần Thị H yêu cầu Công ty Cổ phần L đóng bảo hiểm xã hội để chốt sổ bảo hiểm cho người lao động. Tại văn bản số 496/CV-BHXH ngày 22/12/2023 của Bảo hiểm xã hội huyện B khẳng định Công ty Cổ phần L có đăng ký tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN cho bà Trần Thị H tại Bảo hiểm xã hội huyện B với Mã số 8021948372 từ tháng 6/2022 đến tháng 12/2023 và còn nợ số tiền chậm đóng tạm tính đến tháng 12/2023 là 11.963.812 đồng, trong đó số tiền chậm đóng là 10.505.843 đồng và tiền lãi chậm đóng là 1.457.969 đồng. Công ty Cổ phần L chưa thực hiện lập hồ sơ báo giảm, ngưng đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN và chốt trả sổ cho bà H vì lý do Công ty đang nợ tiền đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN từ tháng 12/2021. Như vậy, có đủ căn cứ xác định giữa bà Trần Thị H và Công ty Cổ phần L có quan hệ lao động.

[6] Theo quy định khoản 1 Điều 186 Bộ luật Lao động Điều 2 và khoản 2 Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội “*người sử dụng lao động, người lao động phải tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc; hằng tháng người sử dụng lao động có trách nhiệm trích tiền lương của người lao động để đóng cùng một lúc vào quỹ bảo hiểm xã hội*”. Hiện nay, bà Trần Thị H đã không còn làm việc tại Công ty từ tháng 12/2022 cho đến nay. Căn cứ khoản 2 Điều 48 Bộ luật Lao động, thì người sử dụng lao động có trách nhiệm: “*Hoàn thành thủ tục xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và trả lại cùng với bản chính giấy tờ khác nếu người sử dụng lao động đã giữ của người lao động*”. Như vậy, có đủ căn cứ buộc Công ty Cổ phần L phải đóng bảo hiểm xã hội cho bà Trần Thị H với số tiền chậm đóng là 10.505.843 đồng và tiền lãi chậm đóng phát sinh theo quy định pháp luật bảo hiểm xã hội để chốt sổ Bảo hiểm xã hội Mã số 8021948372 cho bà Trần Thị H, là phù hợp với lời phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên tòa.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn Công ty Cổ phần L phải chịu án phí theo quy định pháp luật theo quy định tại Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 165, Điều 227, Điều 244 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 6, 20, 48, 168 và Điều 188 Bộ luật Lao động;

Căn cứ các Điều 17, 18, 19, 21, 85, 86 và khoản 2 Điều 89 Luật Bảo hiểm xã hội;

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị H về việc buộc bị đơn Công ty Cổ phần L trả tiền lương tháng 12 với số tiền 5.600.000 đồng và bồi thường chi phí đi lại là 10.000.000 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H với bị đơn Công ty Cổ phần L về tranh chấp bảo hiểm xã hội.

Buộc bị đơn Công ty Cổ phần L có nghĩa vụ nộp tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động-bệnh nghề nghiệp còn nợ vào tài khoản thu của cơ quan Bảo hiểm xã hội huyện B để chốt sổ bảo hiểm xã hội cho bà Trần Thị H số tiền là 11.963.812 đồng. Trong đó, số tiền chậm đóng là 10.505.843 đồng; lãi chậm đóng tạm tính đến tháng 12/2023 là 1.457.969 đồng

Công ty Cổ phần L còn phải chịu tiền lãi trên số tiền bảo hiểm xã hội chậm đóng theo quy định Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Bảo hiểm y tế.

3. Về án phí lao động sơ thẩm: Công ty Cổ phần L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí lao động sơ thẩm. Nguyên đơn bà Trần Thị H được miễn án phí nên không phải hoàn trả tiền tạm ứng án phí.

4. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo đối với bản án: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- CCTHADS huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- Lưu HS-AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Miên

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hoàng Nam – Lê Văn Thuận

Hồ Thị Miên

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- CCTHADS huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- Lưu HS-AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Miên

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Anh Thư – Đào Bá Lộc

Hồ Thị Miên

Bản án số: 33/2024/LĐ-ST

Ngày: 23- 02 - 2024

V/v: “Tranh chấp về bảo hiểm xã hội”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Thu - Nguyên Trưởng Phòng Lao động thương binh và Xã hội thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương;

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Xuân – Phó chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ thành phố Thuận An.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Công - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 176/2023/TLST-LĐ ngày 22 tháng 11 năm 2023 về việc: “Tranh chấp về bảo hiểm xã hội”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-LĐ ngày 10 tháng 01 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 09/2024/QĐST-LĐ ngày 30 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà HTT, sinh năm 1972; nơi thường trú: Ấp MH, xã MHD, huyện CM, tỉnh AG, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH Kỳ Phong; địa chỉ: khu phố Bình Giao, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Wang, Jang Chang; chức vụ: Tổng giám đốc, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bảo hiểm xã hội thành phố Thuận An, địa chỉ: Đường Nguyễn Văn Tiết, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 13/9/2023, bản từ khai ngày 15/11/2023, đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 15/12/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà HTT, trình bày:

Bà T được tuyển dụng vào là việc tại Công ty TNHH Kỳ Phong từ năm 2022, hai bên có ký kết hợp đồng lao động, loại hợp đồng không xác định thời hạn, vị trí công việc là công nhân tổ bị liệu, mức lương là 5.575.000 đồng/01 tháng. Quá trình làm việc thì hàng tháng công ty có trừ lương của bà T để nộp bảo hiểm xã hội theo quy định. Đến ngày 08/9/2023 bà T nghỉ việc thì công ty có ban hành Quyết định nghỉ việc. Sau khi bà T nghỉ việc thì công ty không đóng bảo hiểm và chốt sổ bảo hiểm cho bà T theo quy định.

Ngày 15/12/2023 bà T thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà Trang yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện buộc công ty TNHH Kỳ Phong bồi thường số tiền hưởng bảo hiểm thất nghiệp 33.450.000 đồng. Bà T chỉ yêu cầu truy đóng bảo hiểm xã hội và chốt sổ bảo hiểm xã hội theo quy định. Ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

- Bị đơn Công ty TNHH Kỳ Phong đã được Tòa án thông báo và tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 208; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng đại diện Công ty không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố Thuận An trình bày: Trong quá trình tố tụng đã có công văn phúc đáp cho Tòa án về quá trình đóng bảo hiểm của Bà T, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật, do bản công việc nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn chưa chấp hành pháp luật tố tụng.

+ Về nội dung: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Lao động; các Điều 18, 19, 21, 22 Luật Bảo hiểm Xã hội năm 2014; Công văn số 721/CV-BHXXH ngày 07/12/2023 của Bảo hiểm Xã hội thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp về bảo hiểm xã hội, buộc Công ty TNHH Kỳ Phong phải đóng tiền bảo hiểm xã hội và xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội cho Bà Trang theo quy định pháp luật, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ tranh chấp: Bà HTT khởi kiện Công ty TNHH Kỳ Phong yêu cầu truy đóng tiền bảo hiểm xã hội và xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về bảo hiểm xã hội” được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Công ty TNHH Kỳ Phong có địa chỉ trụ sở chính tại khu phố Bình Giao, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An.

[3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án thông báo và tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Việc vắng mặt của bị đơn trong quá trình tố tụng được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Bà Trang và Bảo hiểm thành phố Thuận An có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà T vào làm việc tại Công ty TNHH Kỳ Phong từ năm 2013, Công ty TNHH Kỳ Phong đăng ký tham gia bảo hiểm xã hội cho bà Trang từ tháng 4/2013 theo quy định tại khoản 1 Điều 19 và khoản 2 Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội.

Căn cứ công văn 721/CV-BHXXH ngày 07/12/2023 của bảo hiểm Thuận An xác định: Bà HTT, sinh ngày 01/01/1972, mã số Bảo hiểm xã hội 7413107641 có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH Kỳ Phong từ tháng 04/2013 đến tháng 8/2023; Công ty TNHH Kỳ Phong đã thanh toán bảo hiểm xã hội cho Bà Trang đến tháng 10/2022.

Bà Trang nghỉ việc từ ngày 08/9/2023 nên thời gian công ty TNHH Kỳ Phong phải đóng bảo hiểm xã hội cho bà T phải tính đến hết tháng 08/2023. Như vậy việc Công ty TNHH Kỳ Phong trừ lương của bà T hàng tháng nhưng không trích nộp tiền bảo hiểm xã hội cho bà T và không xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội cho bà T là vi phạm pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Luật bảo hiểm xã hội, khoản 3 Điều 47 của Bộ luật Lao động nên yêu cầu khởi kiện của bà Trang là có căn cứ.

Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà HTT. Buộc Công ty TNHH Kỳ Phong phải đóng tiền bảo hiểm xã hội cho bà HTT tại Bảo hiểm xã hội thành phố Thuận An từ tháng 11/2022 đến hết tháng 08/2023. Mức đóng và số tiền phải đóng được thực hiện theo quy định pháp luật về Bảo hiểm xã hội và buộc Công ty TNHH Kỳ Phong thực hiện thời gian đóng bảo hiểm xã hội cho bà HTT theo quy định pháp luật.

[5] Đối với yêu cầu buộc công ty TNHH Kỳ Phong bồi thường số tiền hưởng bảo hiểm thất nghiệp 33.450.000 đồng thì bà T đã rút yêu cầu này. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện nên được chấp nhận, căn cứ Điều 235, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện này.

[6] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn công ty TNHH Kỳ Phong phải chịu án phí lao động sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm d khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 238; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 48 Bộ luật Lao động;
- Các Điều 17, 18, 19, 21, 85, 86, khoản 2 Điều 89 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà HTT đối với bị đơn Công ty TNHH Kỳ Phong về việc “Tranh chấp bảo hiểm xã hội”.

2. Buộc Công ty TNHH Kỳ Phong phải đóng tiền bảo hiểm xã hội cho bà HHTT có mã số bảo hiểm xã hội: 7413107641 tại Bảo hiểm xã hội thành phố Thuận An từ tháng 11/2022 đến tháng 08/2023. Mức đóng và số tiền phải đóng được thực hiện theo quy định của pháp luật về Bảo hiểm xã hội.

3. Buộc Công ty TNHH Kỳ Phong thực hiện xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội cho bà HTT theo quy định của pháp luật.

4. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà HTT về việc yêu cầu bị đơn Công ty TNHH Kỳ Phong bồi thường bồi thường số tiền hưởng bảo hiểm thất nghiệp 33.450.000 đồng.

5. Về án phí: Công ty TNHH Kỳ Phong phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí lao động sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thuận An;
- CCTHADS Tp. Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

Vũ Thị Nhâm

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 108/2025/LĐ-ST
Ngày: 21/4/2025
V/v “Tranh chấp về bảo hiểm xã
hội”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Hải Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thế Hùng
2. Bà Nguyễn Thị Chi

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Luân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Ngọc H – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số: 242/2024/TLST-LĐ ngày 10 tháng 10 năm 2024, về việc “Tranh chấp về bảo hiểm xã hội”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20882025/QĐXXST-LĐ ngày 18 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2963/2025/QĐST-LĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Đức D, sinh năm: 1985

Địa chỉ: Thôn D, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Ngọc H1, bà Dương Thị T

Địa chỉ liên hệ: Số A H, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Theo Hợp đồng ủy quyền số công chứng 002380 ngày 24/4/2024 của Văn phòng C, thị trấn G, huyện X, tỉnh Đồng Nai)

2. Bị đơn: Công ty TNHH I;

Địa chỉ: P, Lầu E, Tòa Nhà S, Số A P, Phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Minh N, sinh năm: 1995

Địa chỉ liên hệ: Số D đường N, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền ngày 02/01/2025)

(Ông H1, bà T có đơn xin vắng mặt, ông N vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 02/4/2024 và bản tự khai, nguyên đơn bà Phạm Thị Đức D có bà Dương Thị T, ông Vũ Ngọc H1 là đại diện theo ủy quyền trình bày như sau:

Ngày 21/01/2019, bà Phạm Thị Đức D được tuyển dụng vào làm việc cho Công ty TNHH I (sau đây gọi tắt là Công ty). Ngày 01/7/2021 giữa bà D và Công ty có ký hợp đồng lao động số 00302/HĐLĐ-INX, loại hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Sau khi hết hạn hợp đồng lao động thì bà D vẫn tiếp tục làm việc cho Công ty nhưng Công ty không giao kết hợp đồng lao động nào khác. Công việc của bà D là làm công nhân chuyên gò; Mức lương đóng BHXH trước khi nghỉ việc là 5.992.000 đồng/tháng.

Ngày 14/3/2023, căn cứ vào thỏa thuận chấm dứt hợp đồng với người lao động, Công ty đã có quyết định thôi việc số 00302/QĐTV cho bà D nghỉ việc từ ngày 14/3/2023. Quá trình làm việc tại Công ty, hàng tháng Công ty đều trừ lương của bà D để tham gia các loại BHXH theo quy định gồm Bảo hiểm xã hội 8% (BHXH), Bảo hiểm Y tế 1,5% (BHYT) và Bảo hiểm thất nghiệp 1% (BHTN). Sau khi bà D nghỉ việc thì bà D liên hệ Công ty để nhận lại tờ rời bảo hiểm xã hội nhưng Công ty không giải quyết, ngày 19/3/2024 bà D đến cơ quan Bảo hiểm xã hội huyện X để kiểm tra quá trình tham gia bảo hiểm xã hội thì mới biết được Công ty chỉ mới đóng bảo hiểm xã hội cho bà D đến hết tháng 09/2021, thời gian từ tháng 10/2021 đến tháng 02/2023 Công ty chưa đóng bảo hiểm xã hội, chưa xác nhận hết quá trình tham gia bảo hiểm xã hội cho bà D theo quy định của pháp luật. Bà D đã nhiều lần liên hệ Công ty để yêu cầu công ty đóng BHXH và xác nhận quá trình tham gia bảo hiểm cho bà D nhưng Công ty không giải quyết.

Nhận thấy việc Công ty hàng tháng đều trừ tiền lương của bà D để tham gia BHXH nhưng không đóng cho cơ quan BHXH, không xác nhận hết thời gian tham gia bảo hiểm xã hội cho bà D là không đúng quy định của pháp luật, làm cho quyền lợi của bà D bị ảnh hưởng. Do đó, bà D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc Công ty TNHH I phải đóng BHXH cho bà D từ tháng 10/2021 đến tháng 02/2023 (trừ tháng 02/2022 không tham gia BHXH) là 16 tháng và xác nhận thời gian đóng bảo hiểm cho bà D theo quy định pháp luật.

Bị đơn Công ty TNHH I có đại diện theo uỷ quyền là ông Lê Minh N vắng mặt nên Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức không thu thập được ý kiến trình bày và tài liệu, chứng cứ do Công ty TNHH I giao nộp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ trình tự, thủ tục luật định.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về xác định quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:*

[1.1] *Về quan hệ tranh chấp:* Nguyên đơn bà Phạm Thị Đức D khởi kiện bị đơn Công ty TNHH I về “Tranh chấp về bảo hiểm xã hội” nên xác định quan hệ tranh chấp theo điểm d khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[1.2] *Về thẩm quyền giải quyết:* Công ty TNHH I có trụ sở tại thành phố T. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức là cơ quan có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm.

[2] *Về thủ tục tố tụng:*

[2.1] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị Đức D có người đại diện theo ủy quyền là bà Dương Thị T, ông Vũ Ngọc H1 có đơn đề nghị vắng mặt; bị đơn - Công ty TNHH I có người đại diện theo uỷ quyền là ông Lê Minh N vắng mặt, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến lần thứ hai đối với ông Lê Minh N. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2.2] Nguyên đơn bà Phạm Thị Đức D tranh chấp tiền bảo hiểm, thuộc trường hợp không phải nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Nguyên đơn bà Phạm Thị Đức D yêu cầu giải quyết tranh chấp lao động cá nhân, theo điểm a khoản 1 Điều 188 Bộ luật Lao động năm 2019 thì tranh chấp về tiền bảo hiểm không bắt buộc phải qua thủ tục hòa giải cơ sở. Theo quy định tại Điều Bộ luật Lao động, thời hiệu khởi kiện đối với tranh chấp lao động cá nhân là 01 năm. Căn cứ Quyết định về việc nghỉ việc của nhân viên số 00302/QĐTV ngày 14/3/2023, Công ty cho bà D nghỉ việc từ ngày 14/3/2023. Sau khi nghỉ việc bà D đến để xin lại tờ rời bảo hiểm nhưng Công ty không giải quyết. Sau khi liên hệ Bảo hiểm xã hội huyện X, ngày 19/3/2024, Bảo hiểm xã hội huyện X xác nhận quá trình đóng bảo hiểm xã hội cho bà D. Sau khi nhận được sổ bảo hiểm, bà D mới hay biết quyền, lợi ích hợp pháp bị xâm phạm. Khoản 3 Điều 190 Bộ luật Lao động quy định thời hiệu yêu cầu giải quyết tranh chấp lao động cá nhân như sau: “*Thời hiệu yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp lao động cá nhân là 01 năm kể từ ngày phát hiện ra hành vi mà bên tranh chấp cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị vi phạm*”. Ngày 05/4/2024, bà D nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Thủ

Đức. Như vậy, căn cứ khoản 3 Điều 190 Bộ luật Lao động, đơn khởi kiện của bà D còn trong thời hiệu khởi kiện.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[4.1] Về hiệu lực của hợp đồng: Trong quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ và giải quyết vụ án bà D xuất trình hợp đồng lao động số 00302/HĐLĐ-INX ngày 01/7/2021 được ký kết giữa bà D và Công ty TNHH I. Hợp đồng lao động được các bên giao kết hoàn toàn tự nguyện và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên căn cứ Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 18, Điều 20, Điều 23 Bộ luật Lao động năm 2019, Hợp đồng lao động giữa bà D và Công ty TNHH I có hiệu lực pháp luật, là căn cứ để phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên tham gia. Trong thời gian làm việc tại Công ty TNHH I, bà D đã thực hiện đúng công việc được giao theo thỏa thuận tại Hợp đồng lao động. Theo trình bày của bà D thì giữa các bên đã thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng lao động, ngày 14/3/2023, Công ty TNHH I ra Quyết định về việc nghỉ việc của nhân viên số 00302/QĐTV cho bà D nghỉ việc từ ngày 14/3/2023 theo đơn yêu cầu của bà D. Như vậy, có đầy đủ cơ sở để nhận định giữa bà D và Công ty TNHH I đã thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 34 Bộ luật Lao động.

[4.2] Về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ sau khi chấm dứt hợp đồng lao động: Theo trình bày của bà D thì phía Công ty TNHH I đã vi phạm nghĩa vụ đóng tiền bảo hiểm theo cam kết trong hợp đồng lao động đối với bà D. Trong quá trình Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức tiến hành tố tụng vụ án, Công ty TNHH I có đại diện theo uỷ quyền là ông Lê Minh N không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án và không xuất trình tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo hợp đồng lao động và thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà D nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được để giải quyết vụ án.

Căn cứ vào Công văn số 19/BHXXH ngày 25/02/2025 của Bảo hiểm xã hội huyện X, tỉnh Đồng Nai về việc trả lời xác minh thể hiện đối với trường hợp của bà Phạm Thị Đức D có Mã số bảo hiểm xã hội: 6020965626, Công ty TNHH I đã: *“Không đóng bảo hiểm xã hội cho bà D từ tháng 10/2021 đến tháng 02/2023; Đóng bảo hiểm y tế đủ cho bà D từ tháng 04/2019 đến tháng 02/2023; Đóng bảo hiểm thất nghiệp đủ và thực hiện xác nhận quá trình cho bà D từ tháng 04/2019 đến tháng 02/2023”*.

Như vậy, Công ty TNHH I trừ lương của bà D hàng tháng nhưng không trích lục nộp bảo hiểm xã hội cho bà D và không xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội cho bà D là vi phạm pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà D theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội, khoản 3 Điều 48 Bộ luật Lao động nên yêu cầu khởi kiện của bà D là có căn cứ. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử yêu cầu của bà D về việc buộc Công ty TNHH I nộp đầy đủ tiền bảo hiểm xã hội trên cơ sở mức lương hàng tháng tương ứng thời gian từ tháng 10/2021 đến tháng 02/2023 (trừ tháng

02/2022 không tham gia BHXH) là 16 tháng và xác nhận thời gian đóng bảo hiểm cho bà D theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Do tranh chấp về tiền bảo hiểm nên bà D không phải chịu tiền án phí. Công ty TNHH I phải chịu tiền án phí theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[6] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức là phù hợp quy định của pháp luật nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 220, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 3 Điều 48, Điều 168, khoản 3 Điều 190 Bộ luật Lao động năm 2019;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Đức D:

1.1. Buộc Công ty TNHH I có trách nhiệm liên hệ với cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để nộp đầy đủ tiền bảo hiểm xã hội cho bà Phạm Thị Đức D từ 10/2021 đến tháng 02/2023 (trừ tháng 02/2022 không tham gia BHXH) là 16 tháng và xác nhận thời gian đóng bảo hiểm cho bà D tháng theo mã số bảo hiểm xã hội 6020965626, mức đóng và số tiền phải đóng được thực hiện theo quy định của pháp luật về Bảo hiểm xã hội.

1.2. Công ty TNHH I có trách nhiệm liên hệ với cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để chốt sổ bảo hiểm cho bà Phạm Thị Đức D theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

- Công ty TNHH I phải chịu tiền án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Công ty TNHH I chưa nộp tiền án phí.

- Bà Phạm Thị Đức D không phải chịu tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Thủ Đức;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đặng Thị Hải Yến

Bản án số: 326/2025/LĐ-ST

Ngày: 27-6-2025

V/v: Tranh chấp về bảo hiểm xã hội.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Ánh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Thu và ông Phạm Thị Thu Yên;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sao Mai - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 150/2025/TLST-LĐ ngày 17 tháng 3 năm 2025 về việc tranh chấp về tiền lương và bảo hiểm xã hội theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 266/2025/QĐXXST-LĐ ngày 23 tháng 05 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 119/2025/QĐST-LĐ ngày 10/06/2025; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lâm Thị Tuyết M, sinh năm 1968; địa chỉ thường trú: Tổ B, ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang; Địa chỉ liên lạc: 1 khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH M2; địa chỉ: Số D, Tổ C, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bảo hiểm xã hội thành phố T, địa chỉ: Đường N, khu phố B, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/12/2024, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn trình bày:

Bà Lâm Thị Tuyết M làm việc tại Công ty TNHH M2 do bà Yeom M1 làm tổng giám đốc từ tháng 11 năm 2010 và bà có ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn với Công ty TNHH M2. Vị trí công việc của bà là công nhân với mức lương theo thỏa thuận trong hợp đồng lao động mà hai bên ký kết là 5.214.000 đồng.

Trong quá trình làm việc, Công ty TNHH M2 vẫn chưa thanh toán tiền lương của tháng 8 và tháng 9 năm 2024 cho bà M với tổng số tiền lương là 16.000.000 đồng. Sau nhiều lần yêu cầu Công ty TNHH M2 thì vào đầu tháng 9 Công ty TNHH M2 có trả trước tiền lương cho bà M số tiền 3.000.000 đồng, phần còn lại hứa sẽ thanh toán đủ vào tháng sau. Tuy nhiên, đến ngày 24/9/2024 Công ty TNHH M2 đóng cửa không còn hoạt động nữa mà không thông báo cho bà M, cũng không thanh toán cho bà M số lương vẫn còn nợ là 13.000.000 đồng.

Đến nay bà M được biết từ khoảng giữa năm 2023, Công ty TNHH M2 chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán bảo hiểm xã hội cho bà M theo quy định, mặc dù hàng tháng vẫn trừ tiền bảo hiểm vào tiền lương của bà M, cụ thể Công ty TNHH M2 chưa thanh toán bảo hiểm cho bà M từ tháng 07 năm 2023 đến tháng 09 năm 2024. Do Công ty TNHH M2 chưa thanh toán tiền bảo hiểm nên bà M không thể chốt sổ bảo hiểm theo quy định dẫn đến việc bà M không thể xin việc làm tại công ty khác.

Sau đó bà M đã nộp đơn đến Phòng lao động Thương binh và xã hội thành phố T để yêu cầu hòa giải cho việc tranh chấp giữa bà M và Công ty TNHH M2. Đến ngày 17/10/2024 và ngày 18/12/2024 bà M đã được hòa giải, nhưng Công ty vắng mặt nên Hòa giải không thành.

Nhận thấy việc Công ty TNHH M2 không thanh toán tiền lương, không thanh toán tiền bảo hiểm theo quy định, ảnh hưởng đến quyền lợi của bà M nên bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc Công ty TNHH M2 phải thanh toán cho bà Lâm Thị Tuyết M tiền lương còn nợ từ tháng 08 đến tháng 09 năm 2024 là 13.000.000 đồng.

Buộc Công ty TNHH M2 phải đóng Bảo hiểm xã hội và chốt trả bảo hiểm xã hội cho bà Lâm Thị Tuyết M từ tháng 07 năm 2023 đến tháng 09 năm 2024 theo quy định của pháp luật.

Quá trình tố tụng nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu Công ty TNHH M2 phải thanh toán tiền lương tháng 08, tháng 09 năm 2024 nữa mà chỉ yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH M2 phải đóng Bảo hiểm xã hội và chốt trả bảo hiểm xã hội cho bà M từ tháng 07 năm 2023 đến tháng 09 năm 2024 theo quy định của pháp luật.

Chứng cứ nguyên đơn giao nộp gồm: Sổ bảo hiểm xã hội; Hợp đồng lao động số 00028-HDLD/15 – TD L3 ngày 30/03/2015 (bản photo); biên bản làm việc ngày 18/12/2024 của Phòng L (Kèm danh sách người lao động Công ty TNHH M2;

Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có mặt và không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương trình bày: Bảo hiểm xã hội thành phố T đã có công văn phúc đáp cho Tòa án về quá trình đóng bảo hiểm của bà M, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, do bận công việc nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng

trình tự, thủ tục đối với việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tranh chấp bảo hiểm xã hội là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Riêng về tranh chấp tiền lương nguyên đơn thay đổi không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện và không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Lâm Thị Tuyết M khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH M2 trả lương các tháng 8, 9 năm 2024; đóng bảo hiểm xã hội và chót trả sổ bảo hiểm xã hội. Ngày 22/5/2025 nguyên đơn thay đổi không yêu cầu Tòa án giải quyết về tiền lương. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về bảo hiểm xã hội được quy định tại khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Công ty TNHH M2 có địa chỉ tại số D, Tổ C, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An.

[3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án thông báo và tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Việc vắng mặt của bị đơn trong quá trình tố tụng được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Bà Lâm Thị Tuyết M và Bảo hiểm xã hội thành phố T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung tranh chấp: Theo đơn khởi kiện bà Lâm Thị Tuyết M yêu cầu buộc Công ty TNHH M2 phải trả tiền lương đã làm việc của các tháng 8, 9 năm 2024 và yêu cầu đóng tiền bảo hiểm và chót trả sổ bảo hiểm xã hội cho bà M từ tháng 07/2023 đến tháng 9/2024. Tuy nhiên, quá trình tố tụng bà M có đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Bà M không yêu cầu Công ty TNHH M2 phải thanh toán tiền lương tháng 8, 9 với số tiền 13.000.000 đồng, bà M chỉ yêu cầu Công ty TNHH M2 phải đóng tiền bảo hiểm và chót trả sổ bảo hiểm xã hội cho bà M từ tháng 07/2023 đến tháng 9/2024. Xét, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện và không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Lâm Thị Tuyết M vào làm việc tại Công ty TNHH M2 từ tháng 11 năm 2010, Công ty TNHH M2 đăng ký tham gia

bảo hiểm xã hội cho Bà M từ tháng 03/2011 theo quy định tại khoản 1 Điều 19 và khoản 2 Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội.

Căn cứ Công văn số 522/CV-BHXH ngày 22/5/2025 của Bảo hiểm xã hội thành phố T xác định: Bà Lâm Thị Tuyết M, sinh ngày 01/01/1968, CCCD số 089168012781; mã số Bảo hiểm xã hội 7411043958 có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH M2 từ tháng 03/2011, Công ty TNHH M2 đã thanh toán bảo hiểm xã hội cho bà M đến tháng 06/2023.

Tháng 9 năm 2024 Công ty TNHH M2 đóng cửa, bà M cũng chính thức nghỉ việc tại Công ty vào thời gian này. Như vậy việc Công ty TNHH M3 lương của bà M hàng tháng nhưng không trích nộp tiền bảo hiểm xã hội cho bà M và không xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội cho bà M là vi phạm pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà M theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Luật bảo hiểm xã hội, khoản 3 Điều 48 của Bộ luật Lao động nên yêu cầu khởi kiện của bà M là có căn cứ.

Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M. Buộc Công ty TNHH M2 phải đóng tiền bảo hiểm xã hội cho bà M tại Bảo hiểm xã hội thành phố T từ tháng 07/2023 đến hết tháng 09/2024. Mức đóng và số tiền phải đóng được thực hiện theo quy định pháp luật về Bảo hiểm xã hội và buộc Công ty TNHH M2 thực hiện thời gian đóng bảo hiểm xã hội cho bà M theo quy định pháp luật.

[6] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Bà Lâm Thị Tuyết M tự nguyện chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm nên bị đơn không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm d khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 238; khoản 1 Điều 244; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 48 Bộ luật Lao động;

- Các Điều 17, 18, 19, 21, 85, 86, khoản 2 Điều 89 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị Tuyết M đối với bị đơn Công ty TNHH M2 về việc “Tranh chấp về bảo hiểm xã hội”.

2. Buộc Công ty TNHH M2 phải đóng tiền bảo hiểm xã hội cho bà Lâm Thị Tuyết M, sinh năm 1968; CCCD số 089168012781; mã số Bảo hiểm xã hội

7411043958 tại Bảo hiểm xã hội thành phố T (nay là Phòng nội vụ) từ tháng 07/2023 đến tháng 09/2024. Mức đóng và số tiền phải đóng được thực hiện theo quy định của pháp luật về Bảo hiểm xã hội.

3. Buộc Công ty TNHH M2 thực hiện xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội cho bà Lâm Thị Tuyết M theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Bị đơn Công ty TNHH M2 phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí lao động sơ thẩm.

5. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

6. Bản án này được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7A và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thuận An;
- CCTHADS TP. Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Ánh

Bản án số: 08/2025/LĐ-ST
Ngày: 19-8-2025
V/v tranh chấp về bảo hiểm xã hội

FDVN LAW FIRM
Tài liệu nghiệp vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 18 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Ngọc Bích

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Minh Tùng;
2. Ông Lê Thành Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 18-Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 45/2025/TLST-LĐ ngày 27/5/2025 về tranh chấp về hợp đồng lao động và huỷ kết quả đóng bảo hiểm xã hội theo Quyết Định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2025/QĐXXST-LĐ ngày 25 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ 20, khu phố 4, phường Phường MP, thành phố BC tỉnh Bình Dương (nay là phường BC, Thành phố Hồ Chí Minh). Vắng mặt, đồng thời có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH BNP; địa chỉ: Lô D4, A2, CN đường DE1B, Khu công nghiệp Mỹ Phước 3, phường TH, thành phố BC, tỉnh Bình Dương (nay là phường TH, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Nguyễn Thanh T, sinh năm 1988; địa chỉ: Khu phố 1, phường TĐ, thành phố BC, tỉnh Bình Dương (nay là phường Hòa Lợi, Thành phố Hồ Chí Minh). vắng mặt, đồng thời có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan:* Bảo hiểm xã hội thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương (nay là Bảo hiểm xã hội Cơ sở Bến Cát), thuộc Bảo hiểm xã hội Khu vực XXVII; địa chỉ: Quốc lộ 13, phường BC, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt, đồng thời yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤÁN:

1. Trong Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Lê Văn Đ trình bày:

Ông Đ bắt đầu làm việc tại Công ty TNHH BNP từ đầu năm 2018 và bắt đầu ký hợp đồng lao động chính thức từ tháng 8/2018 cho đến tháng 4/2025 thì nghỉ việc. Vị trí công việc của ông Đ tại Công ty là Công nhân máy bồi, mức lương được điều chỉnh qua từng thời kỳ. Quá trình làm việc tại Công ty cho đến tháng 02/2023 thì Công ty đã tham gia đóng, trích đóng các khoản bảo hiểm cho ông Đ theo đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên từ tháng 3/2023 cho đến khi ông Đ nghỉ việc là tháng hết tháng 4/2025 thì Công ty vẫn chưa đóng bất kỳ khoản tiền bảo hiểm nào cho ông Đ (ông Đ biết được sự việc này khi yêu cầu Công ty chốt sổ bảo hiểm để được hưởng chế độ bảo hiểm theo quy định của nhà nước). Do đó, nay ông Đ khởi kiện yêu cầu Công ty phải đóng, nộp đầy đủ các khoản bảo hiểm cho ông Đ từ tháng 3/2023 cho đến hết tháng 4/2025, mức lương làm căn cứ đóng bảo hiểm qua từng khoảng thời gian như sau:

Từ tháng 3/2023 đến tháng 10/2023 đóng trên mức lương: 6.760.000 đồng;

Từ tháng 11/2023 đến tháng 7/2024 đóng trên mức lương 6.810.000 đồng;

Từ tháng 8/2024 đến tháng 4/2025 đóng trên mức lương 7.090.000 đồng.

Tỉ lệ Công ty phải đóng cho ông Đ là 100% nghĩa vụ của cả người lao động và người sử dụng lao động phải nộp theo quy định. Vì thời gian này lương thực tế ông Đ nhận từ Công ty là sau khi đã bị khấu trừ các khoản phí bảo hiểm phải đóng.

Theo ông Đ thì tổng số tiền bảo hiểm mà Công ty còn nợ, phải đóng cho ông Đ là 57.337.600 đồng.

Đối với nghĩa vụ của Công ty về thanh toán tiền lãi cho cơ quan bảo hiểm do chậm đóng bảo hiểm thì ông Đ không có yêu cầu, không có ý kiến. Đề nghị Tòa án xem xét theo quy định.

2. Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty TNHH BNP là bà Nguyễn Thanh T trình bày:

Công ty thừa nhận về thời gian, quá trình người lao động tên Lê Văn Đ đã làm việc tại Công ty TNHH BNP, được Công ty ký hợp đồng chính thức và tham gia đóng, trích từ lương đóng các khoản bảo hiểm xã hội từ tháng 5/2028, đến cuối tháng 4/2025 thì ông Đ đã nghỉ việc tại Công ty. Đến đầu năm 2023 do công việc hoạt động, sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn nên Công ty đã chậm đóng các khoản bảo hiểm xã hội của người lao động trong có ông Lê Văn Đ. Cụ thể Công ty đã chậm đóng bảo hiểm cho ông Đ từ tháng 3/2023 cho đến khi chấm dứt Hợp đồng lao động là tháng 4/2025. Trong khoảng thời gian chậm đóng thì Công ty thừa nhận đã có khấu trừ từ tiền lương của ông Đ các khoản bảo hiểm mà ông Đ phải nộp với tư cách người lao động (10,5% mức lương làm căn cứ đóng/tháng), nghĩa vụ đóng của Công ty là 21,5% trên mức lương đóng của người lao động.

Mức lương làm căn cứ đóng các khoản bảo hiểm, nghĩa vụ đóng trong thời gian Công ty chậm đóng:

Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Mức lương	Số tháng chậm đóng	Người lao động (10,5%)	Người sử dụng lao động (21,5%)	Số tiền chậm đóng
3/2023	10/2023	6.760.000đ	8	709.800đ	1.453.400đ	17.305.600 đ
11/2023	7/2024	6.810.000đ	9	715.050đ	1.464.150đ	19.612.800đ
8/2024	4/2025	7.090.000đ	9	744.450đ	1.524.350đ	20.419.200đ
			26			57.337.600đ

Như vậy tổng số thời gian Công ty chậm đóng các khoản bảo hiểm cho ông Đ là 26 tháng; tổng số tiền chậm đóng là 57.337.600 đồng.

Nay ông Lê Văn Đ khởi kiện Công ty đóng các khoản bảo hiểm còn nợ thì Công ty xin đóng để cho ông Đ được chốt sổ Bảo hiểm xã hội theo quy định.

Đối với ý kiến của Bảo hiểm xã hội liên quan đến những người lao động khác thì Công ty có ý kiến như sau: Hiện tại Công ty chỉ nhận được Thông báo đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Đ nên Công ty chỉ có ý kiến đối với người lao động là Lê Văn Đ, đối với những trường hợp người lao động khác thì Công ty không có ý kiến cho đến khi có yêu cầu của những người lao động này.

Đối với tiền lãi do chậm đóng các khoản bảo hiểm xã hội của ông Đ thì Công ty tự nguyện sẽ chịu theo đúng quy định của Bảo hiểm xã hội

3. *Tại Văn bản số 39/CV-BHXXH ngày 06/6/2025 và Văn bản số 106/CV-BHXXH đề ngày 26/6/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội thành phố Bến Cát (nay là Bảo hiểm xã hội cơ sở Bến Cát) trình bày:*

Công ty TNHH BNP có tham gia Bảo hiểm xã hội cho người lao động tên Lê Văn Đ, sinh ngày 01/01/1986; Số CCCD: 087086011367 từ tháng 5/2018 đến tháng 4/2025 như đại diện hợp pháp của bị đơn, nguyên đơn đã trình bày. Bảo hiểm xã hội không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Đ và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 18- Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ là đúng theo quy định, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Qua xem xét các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN Đ CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận Đ như sau:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Các đương sự đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều xác Đ giữa nguyên đơn, bị đơn có xác lập quan hệ lao động từ tháng 5/2018 đến tháng 4/2025. Vị trí công việc của nguyên đơn là Công nhân máy bồi, mức lương thay đổi theo thời gian, mức lương làm căn cứ đóng bảo hiểm cũng thay đổi theo mức lương. Theo nguyên đơn thì bị đơn đã không đóng bảo hiểm xã hội cho ông Lê Văn Đ bắt đầu từ tháng 3/2023 cho đến tháng 4/2025, tổng cộng là 26 tháng do đó sau khi nghỉ việc nguyên đơn đã không thể thực hiện việc chốt sổ bảo hiểm xã hội và hưởng các chế độ theo quy định. Người đại diện hợp pháp của bị đơn cũng thừa nhận không tham gia đóng, trích đóng bảo hiểm cho người lao động tên Lê Văn Đ trong thời gian như nguyên đơn trình bày.

Xét thấy mức lương làm căn cứ đóng bảo hiểm theo nguyên đơn yêu cầu và theo sự thừa nhận của bị đơn phù hợp với thông tin do Bảo hiểm xã hội Bến Cát cung cấp về mức tham gia bảo hiểm của bị đơn cho nguyên đơn đã đăng ký với cơ quan Bảo hiểm xã hội nên có cơ sở để chấp nhận mức lương làm căn cứ đóng bảo hiểm cho nguyên đơn như sau:

Từ tháng 3/2023 đến tháng 10/2023 đóng trên mức lương: 6.760.000 đồng;

Từ tháng 11/2023 đến tháng 7/2024 đóng trên mức lương 6.810.000 đồng;

Từ tháng 8/2024 đến tháng 4/2025 đóng trên mức lương 7.090.000 đồng.

Đối với thời gian chậm đóng bảo hiểm xã hội: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã có văn bản đề nghị bảo hiểm xã hội thành phố Bến Cát cung cấp cho Tòa án biết về số tiền cụ thể mà bị đơn đang nợ chưa đóng cho người lao động Lê Văn Đ, tuy nhiên Bảo hiểm xã hội đã không cung cấp thông tin mà chỉ xác Đ “ông Lê Văn Đ chưa được bảo lưu sổ BHXH”. Theo trình bày của nguyên đơn cũng như sự thừa nhận của bị đơn thì bị đơn đã chậm đóng bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn từ tháng 3/2023 cho đến khi nguyên đơn nghỉ việc tại Công ty (bị đơn) là tháng 4/2024, tổng cộng là 26 tháng. Cũng theo thừa nhận của bị đơn thì trong khoảng thời gian chậm đóng này, phía bị đơn vẫn khấu trừ tiền bảo hiểm xã hội (nghĩa vụ đóng của người lao động=10,5% mức thu nhập đóng bảo hiểm) vào tiền lương của nguyên đơn và chưa nộp cho cơ quan bảo hiểm xã hội. Như vậy hành vi của bị đơn đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của nguyên đơn là người lao động, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn đóng toàn bộ số tiền bảo hiểm xã hội (nghĩa vụ của cả người lao động và người sử dụng lao động) là có căn cứ chấp nhận.

Đối với số tiền cụ thể mà bị đơn chậm đóng bảo hiểm cho ông Đ như sau:

Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Mức lương	Số tháng chậm đóng	Người lao động (10,5%)	Người sử dụng lao động (21,5%)	Số tiền chậm đóng
3/2023	10/2023	6.760.000đ	8	709.800đ	1.453.400đ	17.305.600 đ
11/2023	7/2024	6.810.000đ	9	715.050đ	1.464.150đ	19.612.800đ
8/2024	4/2025	7.090.000đ	9	744.450đ	1.524.350đ	20.419.200đ
			26			57.337.600đ

Do đó, việc nguyên đơn ông Lê Văn Đ khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty TNHH BNP đóng bảo hiểm xã hội cho ông Lê Văn Đ trong khoảng thời gian 26 tháng, từ tháng 3/2023 đến hết tháng 4/2025 là 57.337.600 đồng là có cơ sở, đúng quy định pháp luật.

[3] Đối với ý kiến của Bảo hiểm xã hội thành phố Bến Cát (nay là Bảo hiểm xã hội cơ sở Bến Cát) nêu tại Văn bản số 106/CV-BHXH ngày 26/6/2025 về việc đề nghị Tòa án làm việc với người đại diện theo pháp luật của bị đơn đối với tất cả người lao động mà bị đơn đang nợ tiền bảo hiểm là không có căn cứ nên Tòa án không xem xét.

[4] Đối với tiền lãi do chậm đóng tiền bảo hiểm của người sử dụng lao động: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lê Văn Đ không yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi do chậm đóng bảo hiểm, Bảo hiểm xã hội Bến Cát cũng không đưa ra yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền lãi nào do việc chậm đóng bảo hiểm xã hội cho ông Lê Văn Đ của Công ty do đó Tòa án không xem xét giải quyết về một số tiền lãi cụ thể nào. Tuy nhiên theo quy định tại khoản 3 Điều 122 Luật Bảo hiểm xã hội có quy định "...Người sử dụng lao động có hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 17 của Luật này từ 30 ngày trở lên thì ngoài việc phải đóng đủ số tiền chưa đóng, chậm đóng và bị xử lý theo quy định của pháp luật, còn phải nộp số tiền lãi bằng 02 lần mức lãi suất đầu tư quỹ bảo hiểm xã hội bình quân của năm trước liền kề tính trên số tiền, thời gian chậm đóng..." và tại Điều 37 Quyết Định số 595/QĐ-BHXH ngày 14/7/2017 của B ban hành quy trình thu BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN; quản lý số BHXH, thẻ BHYT quy định cách tính lãi chậm đóng cụ thể như sau: "...Đơn vị chậm đóng BHXH bắt buộc, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN từ 30 ngày trở lên thì phải đóng số tiền lãi tính trên số tiền BHXH bắt buộc, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN chưa đóng...". Mặt khác đại diện hợp pháp của bị đơn có ý kiến về việc tự nguyện chịu tiền lãi suất do chậm đóng bảo hiểm cho ông Đ theo quy định. Do đó về nghĩa vụ chịu tiền lãi do chậm đóng bảo hiểm xã hội sẽ được thực hiện theo quy định trên.

[5]. Xét lời đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ, nên được HĐXX chấp nhận.

[6]. Từ những phân tích nêu trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn Đ.

[7]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí lao động sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 239 Điều 235, Điều 238, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 48 Bộ luật Lao động;

Căn cứ vào Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 21, Điều 85, Điều 86 và khoản 2 Điều 89, khoản 3 Điều 122 Luật bảo hiểm xã hội năm 2014

Căn cứ vào Điều 6, Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn Đ đối với bị đơn Công ty TNHH BNP về việc tranh chấp bảo hiểm xã hội

Buộc Công ty TNHH BNP có nghĩa vụ phải tiếp tục đóng bảo hiểm cho ông Lê Văn Đ trong khoảng thời gian từ tháng 3/2023 đến tháng 4/2025 là 26 tháng với tổng số tiền 57.337.600 đồng (tương ứng nghĩa vụ của cả người lao động và người sử dụng lao động).

Ngoài ra Công ty TNHH BNP còn phải chịu mức lãi suất trên số tiền chậm đóng tiền bảo hiểm xã hội theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Công ty TNHH BNP có nghĩa vụ phải nộp số tiền 1.720.128 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014)

Nơi nhận:

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 18;
- THADS TP.Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

Lại Thị Ngọc Bích

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thành Tâm

Đỗ Minh Tùng

Lại Thị Ngọc Bích

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 168/2025/LĐ-ST

Ngày: 31 - 3 - 2025

V/v: “Tranh chấp về bảo hiểm xã hội”.



NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Thu – Phòng lao động thương binh và xã hội thành phố Thuận An.

2. Bà Phạm Thị Kiều – Ban pháp chế Hội đồng nhân dân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sao Mai - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lý Loan - Kiểm sát viên.

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An xét xử sơ thẩm vụ án lao động thụ lý số 242/2024/TLST-LĐ ngày 15/10/2024 về “Tranh chấp bảo hiểm xã hội”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2025/QĐXXST-LĐ ngày 15 tháng 01 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2025/QĐST – LĐ ngày 13/02/2025, Thông báo về việc hoãn phiên tòa số 01/TB-TA ngày 11/3/2025 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1989; nơi thường trú: Xóm E, xã B, huyện Y, tỉnh Nghệ An; nơi tạm trú: B khu phố Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH J.,ltd, địa chỉ: Đường số D, KCN Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Trần Đăng M, sinh năm 1979; địa chỉ: H N, Phường G, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (theo giấy uỷ quyền ngày ngày 11/02/2025), có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bảo hiểm xã hội thành phố T (nay là Phòng nội vụ thành phố T), địa chỉ: Đường N, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Bà Nguyễn Thị H được tuyển dụng vào làm việc tại Công ty TNHH J1 từ ngày 01/8/2023, hợp đồng có xác định thời hạn 01 năm, vị trí công việc phải làm là công nhân lắp ráp tủ đồ, chân ghế, mức lương theo thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết, quá trình làm việc công ty và có tham gia bảo hiểm xã hội theo đúng quy định, được cấp sổ bảo hiểm xã hội. Hàng tháng công ty đều trừ tiền lương của nguyên đơn đúng theo quy định để đóng vào quỹ Bảo hiểm xã hội.

Cuối năm 2023, do tình hình sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn và Công ty cho bà Nguyễn Thị H nghỉ đến khi có công việc thì làm lại, nhưng từ tháng 01 năm 2024 công ty đóng cửa không còn hoạt động. Tuy nhiên, khi bà Nguyễn Thị H làm thủ tục bảo hiểm xã hội mới biết công ty không đóng bảo hiểm và không chốt sổ cho bà theo quy định. Nhận thấy, việc công ty không thực hiện thanh toán bảo hiểm xã hội theo quy định làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị H được pháp luật bảo vệ.

Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Yêu cầu Công ty TNHH J1 CO.,LTD đóng tiền bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn thời gian từ tháng 08 năm 2023 đến tháng 12 năm 2023 và thực hiện các thủ tục chốt sổ Bảo hiểm xã hội cho bà Nguyễn Thị H theo quy định của pháp luật.

** Bị đơn Công ty TNHH J1 trình bày:*

Công ty TNHH J1 hiện đang gặp nhiều khó khăn do không còn hoạt động và không còn nguồn tài chính để thực hiện việc thanh toán ngay Bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn. Toàn bộ nhà xưởng bỏ trống và không còn sản xuất kinh doanh do thiếu tài chính để duy trì, hiện công ty chỉ còn một bảo vệ để trông coi tài sản. Công ty rất thiện chí chấp hành pháp luật Việt Nam để bảo vệ quyền lợi của người lao động nhưng chưa thể đáp ứng ngay vì không có đủ điều kiện thực hiện. Công ty TNHH J1 kính đề nghị quý Tòa căn cứ theo kết quả đóng bảo hiểm xã hội thực tế của người lao động tại Bảo hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương để giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định của pháp luật, tuyên xử mức đóng và thời gian đóng bảo hiểm xã hội theo đúng quy định của pháp luật để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Bảo hiểm xã hội thành phố T trình bày:* Trong quá trình tố tụng đã có công văn phúc đáp cho Tòa án về quá trình đóng bảo hiểm của bà Nguyễn Thị H và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật, do bận công việc nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Căn cứ Điều 48 Bộ luật Lao động; các Điều 18, 19, 21, 22 Luật Bảo hiểm Xã hội năm 2014; Công văn số 1268/CV-BHXH ngày 13/12/2024 của Bảo hiểm

Xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp về bảo hiểm xã hội, buộc Công ty TNHH J1 phải đóng tiền bảo hiểm xã hội và xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội cho bà Nguyễn Thị H theo đúng quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

- Quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị H khởi kiện Công ty TNHH J1 yêu cầu công ty đóng tiền bảo hiểm xã hội và chốt sổ bảo hiểm xã hội. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về bảo hiểm xã hội” được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn Công ty TNHH J1 có địa chỉ trụ sở chính tại Đường Số D, KCN Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An.

- Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Bà Nguyễn Thị H và Bảo hiểm thành phố T có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H yêu cầu Công ty Đ từ tháng 08 năm 2023 đến tháng 12 năm 2023 và thực hiện các thủ tục chốt sổ Bảo hiểm xã hội. Căn cứ công văn số 1268/CV-BHXXH ngày 13/12/2024 của Bảo hiểm xã hội thành phố T xác định: Bà Nguyễn Thị H, sinh ngày 15/8/1989; CCCD số 040189033671 cấp ngày 16/01/2022, mã số Bảo hiểm xã hội 7414073422 có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH J1 Co.,Ltd tháng 08 năm 2023 đến tháng 12 năm 2023 Công ty đang nợ bảo hiểm.

[2.2] Qua các tài liệu thu thập, ý kiến trình bày của bị đơn, có cơ sở xác định: Từ tháng 8/2023 đến tháng 12/2023 Công ty TNHH J1 Co.,Ltd trích lương của bà Nguyễn Thị H nhưng không nộp tiền bảo hiểm xã hội cho bà Nguyễn Thị H và không xác nhận thời gian tham gia bảo hiểm xã hội cho bà Nguyễn Thị H là vi phạm pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị H theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội, khoản 3 Điều 47 của Bộ luật Lao động nên yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H là có căn cứ.

[2.3] Từ những phân tích nêu trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H. Buộc Công ty TNHH J1 phải tham gia bảo hiểm xã hội cho bà Nguyễn Thị H tại Bảo hiểm xã hội thành phố T từ tháng 8 năm 2023 đến tháng 12 năm 2023. Mức đóng được thực hiện theo quy định pháp luật về Bảo hiểm xã hội và buộc Công ty TNHH J1 thực hiện xác nhận thời gian tham gia bảo hiểm xã hội cho bà Nguyễn Thị H theo quy định pháp luật.

[3] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn công ty TNHH J1 phải chịu án phí lao động sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

-Điểm d khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 48 Bộ luật Lao động;

- Các Điều 17, 18, 19, 21, 85, 86, khoản 2 Điều 89 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đối với bị đơn Công ty TNHH J1 về việc “Tranh chấp bảo hiểm xã hội”.

2. Buộc Công ty TNHH J1 có trách nhiệm nộp các khoản bảo hiểm xã hội còn nợ từ tháng 8 năm 2023 đến tháng 12 năm 2023 cho bà Nguyễn Thị H, sinh ngày 15/8/1989; CCCD số 040189033671 cấp ngày 16/01/2022, mã số Bảo hiểm xã hội 7414073422 tại Bảo hiểm xã hội thành phố T (nay là Phòng nội vụ). Các khoản phải nộp được thực hiện theo quy định của pháp luật về Bảo hiểm xã hội.

3. Buộc Công ty TNHH J1 thực hiện các thủ tục để chốt sổ bảo hiểm xã hội cho bà Nguyễn Thị H theo quy định pháp luật.

4. Về án phí: Công ty TNHH J1 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí lao động sơ thẩm.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7A và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

Nguyễn Thị Tuyết Ánh

Bản án số: 101/2025/LĐ-ST
Ngày: 06 – 3 - 2025
V/v: “Tranh chấp về bảo hiểm xã hội”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Kim Thu;

Bà Phạm Thị Thu Yến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Năm - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số: 341/2024/TLST-LĐ ngày 06 tháng 11 năm 2024 về việc: “Tranh chấp về bảo hiểm xã hội”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 341/2025/QĐXXST-LĐ ngày 08 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 341/2025/TB-LĐ ngày 07 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Lan A năm 1984; thường trú tại: 2 N, tổ D, khu phố C, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Bị đơn: Công ty TNHH A10 số: Số C, tổ F, khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Kim T danh: Tổng giám đốc, vắng mặt không có lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bảo hiểm xã hội thành phố T địa chỉ: Đường N, khu phố B, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Lan A1 trình bày:

Bà A2 tuyển dụng vào làm việc tại Công ty TNHH A11 ngày 14/9/2017 đến ngày 23/02/2024, hai bên có giao kết hợp đồng lao động bằng văn bản, công việc là quản lý chất lượng, mức lương thỏa thuận 5.800.000 đồng/01 tháng, mức lương tham gia bảo hiểm xã hội là 5.177.891 đồng. Trong thời gian làm việc thì công ty còn nợ tiền lương tháng 01/2024 3.000.000 đồng/01 tháng và tiền thâm niên năm 2023 là 3.200.000 đồng. Cuối năm 2023 công ty gặp khó khăn trong kinh doanh, công ty có trừ tiền lương của bà A3 không đóng tiền bảo hiểm xã hội cho bà A4 tháng 04/2021 đến tháng 7/2021; từ tháng 8/2021 đến tháng 11/2021 bà A5 việc không tham gia bảo hiểm xã hội; từ tháng 04/2021 đến tháng 01/2024 công ty không tham gia đóng bảo hiểm xã hội. Bà A6 có đơn xin nghỉ việc tháng 01/2024 nhưng công ty không ban hành quyết định cho nghỉ việc cho bà A, không trả lương và không chốt sổ bảo hiểm cho bà A.

Tuy nhiên từ tháng 01/2024 đến nay thì công ty đã ngưng hoạt động sản xuất kinh doanh nên không thanh toán tiền bảo hiểm xã hội cho bà A từ tháng 4/2021 đến tháng 01/2024.

Tại đơn khởi kiện bà A7 câu như sau: Buộc công ty TNHH A12 trả lương tháng 01/2024 là 3.000.000 đồng, tiền thâm niên năm 2023 là 3.200.000 đồng. Buộc công ty TNHH A13 24 tháng từ tháng 01/2022 đến tháng 01/2024 cho bà Nguyễn Thị L A Buộc công ty TNHH A14 xác nhận thời gian tham gia bảo hiểm xã hội theo quy định.

Trong quá trình tố tụng bà A8 đòi yêu cầu khởi kiện như sau: Bà A7 cầu công ty TNHH A15 nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 04/2021 đến tháng 01/2024. Không yêu cầu công ty TNHH A12 trả lương tháng 01/2024 là 3.000.000 đồng, tiền thâm niên năm 2023 là 3.200.000 đồng.

Tài liệu, chứng cứ bà A9 cấp: Đơn đề nghị về việc xin miễn tạm phí. Phiếu lương photo. Căn cước công dân photo. Giấy hẹn photo. Sổ hộ khẩu photo. Sổ bảo hiểm photo. Biên bản hòa giải tranh chấp lao động photo. Danh sách người lao động tại công ty P.

Bị đơn - Công ty TNHH A13 được Tòa án thông báo và tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 208; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng đại diện Công ty không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Bảo hiểm xã hội thành phố Ttrình bày: Trong quá trình tố tụng đã có công văn phúc đáp cho Tòa án về quá trình đóng bảo hiểm của bà Nguyễn Thị Lan A1 và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật, do bận công việc nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

- Về nội dung: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Lao động; các Điều 18, 19, 21, 22 Luật Bảo hiểm Xã hội năm 2014; Công văn số 1162/CV-BHXH ngày 22/11/2024 của Bảo hiểm Xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp về bảo hiểm xã hội, buộc Công ty TNHH A16 phải đóng tiền bảo hiểm xã hội và xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội cho bà Nguyễn Thị Lan A1 theo đúng quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Thị Lan A1 khởi kiện Công ty TNHH A17 đóng tiền bảo hiểm xã hội và xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về bảo hiểm xã hội” được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn - Công ty TNHH A18 địa chỉ trụ sở chính tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An.

[3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Bà Nguyễn Thị Lan A1 và Bảo hiểm thành phố T yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Lan A1 vào làm việc tại Công ty TNHH A11 tháng 11/2018. Công ty TNHH A19 ký tham gia bảo hiểm xã hội cho bà Nguyễn Thị Lan A1 từ tháng 11/2018 theo quy định tại khoản 1 Điều 19 và khoản 2 Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội.

Căn cứ công văn 1162/CV-BHXH ngày 22/11/2024 của bảo hiểm xã hội thành phố T xác định: Bà Nguyễn Thị Lan A1, sinh 1984, mã số Bảo hiểm xã hội 7413223841 có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH A11 tháng 11/2018. Công ty TNHH A13 cho bà Nguyễn Thị Lan A1 đến tháng 4/2021, tuy nhiên từ tháng 4/2021 đến tháng 01/2024 không thanh toán tiền bảo hiểm xã hội cho bà A

Như vậy việc Công ty TNHH A20 lương của bà Nguyễn Thị L A hàng tháng nhưng không trích nộp tiền bảo hiểm xã hội cho bà Nguyễn Thị Lan A1 là vi phạm pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Lan A1 theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Luật bảo hiểm xã hội, khoản 3 Điều 47 của Bộ luật Lao động nên yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L A là có căn cứ.

Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lan A1. Buộc Công ty TNHH A14 đóng tiền bảo hiểm xã hội cho bà Nguyễn Thị Lan A1 tại Bảo hiểm xã hội thành phố T từ tháng

04/2021 đến hết tháng 01/2024. Mức đóng và số tiền phải đóng được thực hiện theo quy định pháp luật về Bảo hiểm xã hội và buộc Công ty TNHH A21 hiện thời gian đóng bảo hiểm xã hội cho bà Nguyễn Thị Lan A1 theo quy định pháp luật.

[5] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Công ty TNHH A14 sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

-Điểm d khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 48 Bộ luật Lao động;

- Các Điều 17, 18, 19, 21, 85, 86, khoản 2 Điều 89 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Lan A1 đối với bị đơn - Công ty TNHH A16 về việc “Tranh chấp bảo hiểm xã hội”.

Buộc Công ty TNHH A14 đóng tiền bảo hiểm xã hội cho bà Nguyễn Thị Lan A1 tại Bảo hiểm xã hội thành phố Từ tháng 4/2021 đến tháng 01/2024 theo mã số bảo hiểm xã hội 7413223841, mức đóng và số tiền phải đóng được thực hiện theo quy định của pháp luật về Bảo hiểm xã hội.

2. Buộc Công ty TNHH A21 hiện xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội cho bà Nguyễn Thị Lan A1 theo quy định của pháp luật.

3. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Lan A1 về việc yêu cầu bị đơn - Công ty TNHH A22 toán tiền lương tháng 01/2024 là 3.000.000 đồng và tiền thâm niên năm 2023 là 3.000.000 đồng.

4. Về án phí: Công ty TNHH A14 chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí lao động sơ thẩm.

Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thuận An;
- CCTHADS Tp. Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

Lê Thị Ngọc

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 251/2025/LĐ-ST
Ngày: 05 - 6 - 2025
V/v: “Tranh chấp về bảo hiểm xã
hội”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Lê Văn – phó chủ tịch liên đoàn lao động thành phố Thuận An;
2. Ông Lê Văn Công;

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Vương Triều - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lý Loan - Kiểm sát viên.

Vào ngày 05 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An xét xử sơ thẩm vụ án lao động thụ lý số 63/2025/TLST-LĐ ngày 04 tháng 3 năm 2025 về “Tranh chấp bảo hiểm xã hội”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 189/2025/QĐXXST-LĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị Y, sinh năm 1993; địa chỉ thường trú: Ấp L, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Bị đơn: Công ty TNHH A; địa chỉ: T đất số 2098, tờ bản đồ số 132, đường T, khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bảo hiểm xã hội thành phố T; địa chỉ: Đường N, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trương Thị Y trình bày:

Bà Y được tuyển dụng vào làm việc tại Công ty TNHH A từ tháng 6 năm 2018, hai bên có ký kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn, vị trí công việc Công nhân may với mức lương theo thỏa thuận.

Đầu tháng 5/2022 bà Y có đơn xin nghỉ việc, đến cuối tháng 5/2022 bà Y chính thức nghỉ việc tại Công ty. Tuy nhiên, khi làm thủ tục tại bảo hiểm xã hội bà Y mới biết công ty chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán bảo hiểm xã hội theo quy định, cụ thể từ tháng 4/2021 đến tháng 4 năm 2022 công ty không đóng bảo hiểm và không chốt sổ cho bà Y theo quy định mặc dù hàng tháng vẫn trừ bảo hiểm của bà vào tiền lương. Nhận thấy, việc công ty không thực hiện thanh toán bảo hiểm xã hội theo quy định làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Y được pháp luật bảo vệ. Hiện nay bà Trương Thị Y xác định yêu cầu Công ty đóng tiền bảo hiểm xã hội và chốt trả sổ bảo hiểm xã hội cho bà từ tháng 4 năm 2021 đến tháng 4 năm 2022.

Bị đơn Công ty TNHH A vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Bảo hiểm xã hội thành phố T có công văn phúc đáp cho Tòa án về quá trình đóng bảo hiểm của bà Y, cụ thể: bà Trương Thị Y, sinh ngày 11/8/1993; CCCD số 040193008496, tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp với mã số bảo hiểm 4014015433, từ tháng 7/2018 đến tháng 4/2022 trong đó có thời gian không tham gia từ tháng 8/2021 đến tháng 9/2021 và nghỉ chế độ thai sản từ tháng 10/2021 đến tháng 11/2021. Thời gian tham gia từ tháng 7/2018 đến tháng 4/2022 chưa được xác nhận chốt sổ cấp tờ rời sổ BHXH do Công ty TNHH A chưa đóng tiền BHXH, BHTN hoàn tất đến tháng 4/2022. Tính đến ngày 02/4/2025 số tiền nợ tạm tính mà Công ty TNHH A chưa đóng riêng cho bà Trương Thị Y là 14.420.003đồng. Do bận công việc nên bảo hiểm xã hội thành phố T đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Căn cứ Điều 48 Bộ luật Lao động; các Điều 18, 19, 21, 22 Luật Bảo hiểm Xã hội năm 2014; Công văn số 12/CV-BHXH ngày 04/4/2025 của Bảo hiểm Xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp về bảo hiểm xã hội, buộc Công ty TNHH A phải đóng tiền bảo hiểm xã hội và xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội cho bà Y theo đúng quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ tranh chấp: Bà Trương Thị Y khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH A đóng tiền bảo hiểm xã hội và xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về bảo hiểm xã hội” được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Công ty TNHH A có địa chỉ trụ sở tại Thửa đất số 2098, tờ bản đồ số 132, đường T, khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An.

[3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Bà Trương Thị Y và Bảo hiểm thành phố T có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự. Đối với bị đơn Công ty TNHH A vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Trương Thị Y yêu cầu Công ty chốt sổ bảo hiểm cho bà Y từ tháng 4/2021 đến tháng 4/2022. Căn cứ công văn số 12/CV-BHXH ngày 04/4/2025 của Bảo hiểm xã hội thành phố T xác định: Bà Trương Thị Y, sinh ngày 11/8/1993; CCCD số 040193008496, tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp với mã số bảo hiểm 4014015433, từ tháng 7/2018 đến tháng 4/2022 trong đó có thời gian không tham gia từ tháng 8/2021 đến tháng 9/2021 và nghỉ chế độ thai sản từ tháng 10/2021 đến tháng 11/2021. Thời gian tham gia từ tháng 7/2018 đến tháng 4/2022 chưa được xác nhận chốt sổ BHXH do Công ty TNHH A chưa đóng tiền BHXH, BHYTN hoàn tất đến tháng 4/2022. Tính đến ngày 02/4/2025 số tiền nợ tạm tính mà Công ty TNHH A chưa đóng riêng cho bà Trương Thị Y là 14.420.003 đồng. Như vậy, theo công văn của Bảo hiểm xã hội thành phố T thì trong khoảng thời gian từ tháng 4/2021 đến tháng 4/2022 Công ty TNHH A trích lương của bà Y nhưng không nộp tiền bảo hiểm xã hội cho bà Y và không xác nhận thời gian tham gia bảo hiểm xã hội cho bà Y là vi phạm pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Y theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội, khoản 3 Điều 48 của Bộ luật Lao động nên yêu cầu khởi kiện của bà Y là có căn cứ chấp nhận. Buộc Công ty TNHH A phải tham gia bảo hiểm xã hội cho bà Trương Thị Y tại Bảo hiểm xã hội thành phố T thời gian từ tháng 4/2021 đến tháng 4/2022, mức đóng được thực hiện theo quy định pháp luật về Bảo hiểm xã hội.

[5] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Công ty TNHH A phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

-Điểm d khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 48 Bộ luật Lao động;

- Các Điều 17, 18, 19, 21, 85, 86, khoản 2 Điều 89 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Y đối với bị đơn Công ty TNHH A về việc “Tranh chấp bảo hiểm xã hội”.

Buộc Công ty TNHH A có trách nhiệm đóng bảo hiểm xã hội cho bà Trương Thị Y, sinh ngày 11/8/1993; CCCD số 040193008496, mã số bảo hiểm 4014015433, từ tháng 4/2021 đến tháng 4/2022. Mức đóng được thực hiện theo quy định của pháp luật về Bảo hiểm xã hội.

2. Buộc Công ty TNHH A thực hiện xác nhận thời gian tham gia bảo hiểm xã hội cho bà Trương Thị Y theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Công ty TNHH A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí lao động sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thuận An;
- CCTHADS Tp. Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thu Thảo

Bản án số: **13/2024/LĐ-ST**

Ngày: 24- 9 - 2024

V/v tranh chấp bảo hiểm xã hội

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Minh Tuấn

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 33/2024/TLST-LĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp bảo hiểm xã hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2024/QĐXXST-LĐ ngày 04 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Tấn Đ, sinh năm 1990; nơi thường trú: Nhơn Thọ A, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ; nơi tạm trú: Tổ A, Khu phố A, phường H, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH MTV C; trụ sở: Tầng E, tòa nhà B, số B Đại lộ B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Trần Thị Thùy L, sinh năm 1993; địa chỉ: Tầng E, tòa nhà B, số B Đại lộ B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương là người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH MTV C (theo văn bản ủy quyền ngày 08/7/2024), có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh B;* địa chỉ: Số A đường L, Khu phố B, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Thắng L1- chức vụ: Phó trưởng phòng thanh tra- Kiểm tra Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền của Bảo hiểm xã hội tỉnh B (theo văn bản ủy quyền ngày 17/9/2024), có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Tại Đơn khởi kiện đề ngày 06/6/2024, nguyên đơn ông Lê Tấn Đ trình bày:** Ông Lê Tấn Đ làm việc tại Công ty TNHH MTV C (gọi tắt là Công ty C) và ký hợp đồng lao động, tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 6/2022 theo mã số bảo hiểm xã hội 7914183270. Đến ngày 01/7/2023 ông Đ và Công ty tiếp tục ký hợp đồng lao động xác định thời hạn từ ngày 01/7/2023 đến ngày 30/9/2025, với mức lương 7.496.650đ/tháng. Đến ngày 01/3/2024 ông Đ nghỉ việc theo Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 10003634-2024/QĐTV-VFP nhưng cho đến nay Công ty vẫn chưa chốt sổ BHXH cho ông Đ, thậm chí Công ty chậm đóng bảo hiểm cho ông Đ là 03 tháng.

Việc Công ty C không đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, không hoàn thành thủ tục xác nhận thời gian đóng BHXH, BHTN là ảnh hưởng đến quyền lợi của ông Đ nên ông Đ khởi kiện yêu cầu Công ty C đóng BHXH, BHTN cho ông Đ từ tháng 12/2023 đến tháng 02/2024 và hoàn thành thủ tục xác nhận thời gian đóng BHXH, BHTN.

- **Công ty TNHH MTV C (gọi tắt là Công ty C) do bà Trần Thị Thùy L làm đại diện trình bày:** Ông Lê Tấn Đ làm việc tại Công ty TNHH MTV C (gọi tắt là Công ty C) từ ngày 04/6/2022 đến ngày 29/02/2024 thông qua 02 hợp đồng lao động là Hợp đồng ngày 04/6/2022 và Hợp đồng lao động ngày 01/7/2023; công việc: Công nhân sản xuất; mức lương: 7.496.650đ. Sau khi nhận được đơn nghỉ việc của ông Đ thì ngày 01/3/2024 Công ty ban hành Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 10003634-2024/QĐTV-VFP với ông Đ.

Theo như bảng chi tiết kết quả đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ&BNN ngày 01/4/2024 của Bảo hiểm xã hội tỉnh B xác nhận Công ty đã đóng BHXH cho ông Đ đến tháng 11/2023; đóng BHTN BHYT, BHTNLĐ&BNN đến tháng 02/2024. Riêng BHXH từ tháng 12/2023 đến tháng 02/2024 với số tiền 5.622.488đ Công ty C chưa đóng cho ông Đ. Việc Công ty C1 thực hiện đóng BHXH cho ông Đ là do trong thời gian trên Công ty gặp nhiều khó khăn trong quá trình hoạt động kinh doanh, làm ăn thua lỗ. Hiện Công ty đang sắp xếp thanh toán các nghĩa vụ tài chính cho người lao động, cơ quan nhà nước và nhà cung cấp nhưng vì ngưng hoạt động kinh doanh nên Công ty không có doanh thu để thực hiện. Nay qua yêu cầu khởi kiện của ông Đ thì Công ty có ý kiến như sau:

Công ty C đã thực hiện việc đóng BHTN BHYT, BHTNLĐ&BNN cho ông Đ đến tháng 02/2024. Công ty chỉ chưa đóng BHXH từ tháng 12/2023 đến tháng 02/2024 với số tiền 5.622.488đ, Công ty sẽ sắp xếp để hoàn thành việc đóng BHXH cho ông Đ trong thời gian sớm nhất.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh B do ông Nguyễn Thắng L1 làm đại diện:** Ông L1 không có ý kiến trình bày, chỉ có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- **Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:**

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Đại diện nguyên đơn đã chấp hành đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Tấn Đ với bị đơn Công ty TNHH MTV C về việc tranh chấp bảo hiểm xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] *Về thẩm quyền:* Yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tấn Đ là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn có nơi cư trú tại thành phố T, tỉnh Bình Dương nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo quy định điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] *Về việc tham gia của đương sự tại phiên tòa:* Nguyên đơn ông Lê Tấn Đ, đại diện bị đơn bà Trần Thị Thùy L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh B do ông Nguyễn Thắng L1 làm đại diện, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự nêu trên theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:*

[2.1] *Đối với tiền Bảo hiểm xã hội:*

Ông Đ cho rằng: Ngày 01/3/2024 ông Đ đã nghỉ việc tại Công ty C theo Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 10003634-2024/QĐTV-VFP. Sau khi nghỉ việc ông Đ biết được Công ty không đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, không hoàn thành thủ tục xác nhận thời gian đóng BHXH, BHTN từ 12/2023 đến tháng 02/2024 nên ông Đ khởi kiện yêu cầu Công ty C đóng BHXH, BHTN cho ông Đ từ tháng 12/2023 đến tháng 02/2024 và hoàn thành thủ tục xác nhận thời gian đóng BHXH, BHTN.

Đại diện bị đơn cho rằng: Ngày 01/3/2024 Công ty C ban hành Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 10003634-2024/QĐTV-VFP với ông Đ theo đơn xin nghỉ việc của ông Đ. Quá trình tham gia đóng bảo hiểm cho ông Đ, Công ty C đã thực hiện việc đóng BHTN BHYT, BHTNLD&BNN cho ông Đ đến tháng 02/2024. Tuy nhiên, từ tháng 12/2023 đến tháng 02/2024 do Công ty G nên chưa đóng BHXH cho ông Đ với số tiền 5.622.488đ. Phía Công ty sẽ sắp xếp để hoàn thành việc đóng BHXH cho ông Đ trong thời gian sớm nhất.

Xét thấy: Theo như Công văn số 1803/BHXH-TST ngày 22/8/2024 của Bảo hiểm xã hội tỉnh B thì Công ty C chưa thanh toán tiền BHXH cho ông Lê Tấn Đ1, sinh ngày 26/5/1990, số CCCD: 092090000915, mã số BHXH: 7914183270 đến tháng 02/2024 với số tiền 7.525.944đ (bao gồm cả tiền lãi chậm đóng), số tháng nợ là 03 tháng. Tại bản tự khai ngày 16/7/2024, bị đơn cũng xác nhận chưa đóng BHXH cho ông Đ1 từ tháng 12/2023 đến tháng 02/2024.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Nghị định 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc thì “*Người sử dụng lao động có trách nhiệm đóng đủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bao gồm cả tiền lãi chậm đóng theo quy định đối với người lao động đủ điều kiện hưởng bảo hiểm xã hội hoặc chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc để kịp thời giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động*”.

Như vậy, trong thời gian làm việc tại Công ty C, ông Đ1 đóng bảo hiểm đầy đủ, phía Công ty đã trừ tiền lương hàng tháng của ông Đ1 nhưng không trích nộp tiền BHXH cho ông Đ1, không xác nhận thời gian đóng BHXH cho ông Đ1 là vi phạm pháp luật và làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông Đ1 theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 48 Bộ luật Lao động năm 2019.

Bị đơn xác định chưa đóng bảo hiểm xã hội cho ông Đ1 từ tháng 12/2023 đến tháng 02/2024 nhưng chỉ đồng ý đóng với số tiền 5.622.488đ là không đúng vì theo quy định tại điểm 1.2 khoản 72 Điều 1 Quyết định số 505/QĐ-BHXH ngày 23/7/2020 của B thì “*Đối với đơn vị nợ tiền đóng BHXH, BHTN, BHTNLD, BNN, nếu người lao động đủ điều kiện hưởng BHXH hoặc chấm dứt HĐLĐ, HĐLV thì đơn vị có trách nhiệm đóng đủ BHXH, BHTN, BHTNLD, BNN, bao gồm cả tiền lãi chậm đóng theo quy định, cơ quan BHXH xác nhận số BHXH để kịp thời giải quyết chế độ BHXH, BHTN cho người lao động...*”. Do Công ty C không thực hiện việc đóng BHXH cho ông Đ1 nên ngoài việc phải đóng tiền BHXH thì Công ty C phải có trách nhiệm nộp tiền lãi chậm đóng cho cơ quan bảo hiểm theo quy định tại Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội và tại điểm 1.2 khoản 72 Điều 1 Quyết định số 505/QĐ-BHXH ngày 23/7/2020 của B. Theo như Công văn trả lời của Bảo hiểm xã hội tỉnh B thì Công ty C chưa thanh toán tiền BHXH cho ông Đ1 đến tháng 02/2024 với số tiền 7.525.944đ (bao gồm cả tiền lãi chậm đóng).

Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn Công ty C phải đóng đủ BHXH cho ông Đ1 từ tháng 12/2023 đến tháng 02/2024 là có căn cứ chấp nhận.

[2.1] *Đối với tiền Bảo hiểm thất nghiệp*: Nguyên đơn ông Đ1 yêu cầu Công ty C đóng đủ BHTN cho ông Đ1 từ tháng 12/2023 đến tháng 02/2024. Tuy nhiên, phía bị đơn xác định đã đóng đủ BHTN cho ông Đ1 đến tháng 02/2024. Theo Công văn số 1803/BHXH-TST ngày 22/8/2024 của Bảo hiểm xã hội tỉnh B cũng xác định Công ty C chỉ chưa đóng BHXH cho ông Đ1 đến tháng 02/2024, số tháng nợ là 03 tháng. Như vậy, có căn cứ xác định Công ty C đã đóng đủ BHTN cho ông Đ1 nên việc ông Đ1 yêu cầu Công ty C đóng BHTN cho ông Đ1 từ tháng 12/2023 đến tháng 02/2024 là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Công ty C đóng bảo hiểm xã hội cho ông Đ1 tháng 12/2023 đến tháng 02/2024. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền bảo hiểm thất nghiệp.

[4] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở.

[5] Về án phí sơ thẩm: Công ty C phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 244; Điều 266 và Điều 271 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều Điều 48 của Bộ luật Lao động;

Căn cứ khoản 2 Điều 21, Điều 23 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014;

Căn cứ Nghị định 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Tấn Đ với bị đơn Công ty TNHH MTV C về việc “*Tranh chấp bảo hiểm xã hội*”.

Buộc Công ty TNHH MTV C có nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 12/2023 đến tháng 02/2024 theo mã số bảo hiểm xã hội số 7914183270 tại Cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Dương và hoàn thành thủ tục xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội cho ông Lê Tấn Đ theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tấn Đ về việc yêu cầu Công ty TNHH MTV C đóng bảo hiểm thất nghiệp.

3. Về án phí lao động sơ thẩm: Công ty TNHH MTV C phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng).

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục thi hành án dân sự TP TDM;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Hằng

Bản án số: 49/2024/LĐ-ST
Ngày: 20 - 9 - 2024
V/v Tranh chấp về bảo
hiểm xã hội

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Kiều Thị Uyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Tú Nhi;
2. Ông Đoàn Nam Lê Thiện .

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Hồng Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Vào ngày 20 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Lao động thụ lý số 206/2024/TLST- LĐ ngày 14 tháng 8 năm 2024 về việc “Tranh chấp về bảo hiểm xã hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 473/2024/QĐXXST-LĐ ngày 29 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2024/QĐST-LĐ ngày 13 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Thị D, sinh năm 1994; thường trú: ấp đường G, xã L, huyện G, tỉnh Kiên Giang; địa chỉ liên hệ: số C đường Đ, phường T, huyện B, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH R; trụ sở: số D đường Đ, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: ông Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 1970; địa chỉ: Tầng I, tòa nhà V, số A Đ, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo uỷ quyền. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Trung tâm hành chính thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: ông Dương Văn T, sinh năm 1988; địa chỉ liên lạc: A khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo uỷ quyền, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Thị D trình bày:

Bà Thị D là công nhân làm việc tại Công ty TNHH R và có ký Hợp đồng lao động với bà D từ tháng 3/2022 đến tháng 10/2022, đảm nhận vị trí công nhân bậc nệm, với mức lương cơ bản 6.900.000 đồng, ngoài ra còn có khoản tiền phụ cấp khác là 1.400.000 đồng, tổng cộng tạm tính là 8.300.000 đồng.

Trong thời gian bà D làm việc nêu trên tại Công ty, mỗi tháng công ty TNHH R vẫn trích từ tiền lương của bà để đóng bảo hiểm. Tuy nhiên, từ tháng 9/2022 đến tháng 10/2022 Công ty TNHH R chưa đóng bảo hiểm cho bà D.

Bà D là công nhân làm công ăn lương, cuộc sống còn nhiều khó khăn nhưng Công ty TNHH R không đóng bảo hiểm cho bà D từ tháng 9/2022 đến tháng 10/2022 cho bà đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà D.

Vi vậy, bà Thị D yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH R đóng bảo hiểm xã hội cho bà D từ tháng 9/2022 cho đến tháng 10/2022 và lập hồ sơ xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội của bà Thị D trong khoảng thời gian từ tháng 8/2022 đến tháng 10/2022.

- Tại văn bản ý kiến ngày 20/8/2024 người đại diện theo pháp luật của bị đơn là bà Ngô Thị Minh H và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Thanh Đ thống nhất trình bày:

Bà Thị D có quan hệ lao động tại công ty TNHH R. Công ty TNHH R xác nhận từ tháng 9/2022 đến tháng 10/2022 chưa đóng tiền bảo hiểm xã hội và chưa xác nhận quá trình tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 8/2022 đến tháng 10/2022 cho bà D theo quy định, mặc dù hàng tháng công ty vẫn trích từ tiền lương của bà D. Nay, bà D khởi kiện yêu cầu đóng và xác nhận quá trình tham gia BHXH thì công ty đồng ý. Công ty TNHH R cam kết đóng, xác nhận quá trình tham gia bảo hiểm xã hội cho bà D theo quy định.

- Tại bản tự khai ngày 20/8/2024 đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố D, ông Dương Văn T trình bày:

Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của Công ty TNHH R cho người lao động thì Công ty có tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho bà Thị D, sinh năm 1994, số CCCD 091194005608, với mã số BHXH 7413204278 từ tháng 08/2022 đến tháng 10/2022 tại Công ty TNHH R. Tính đến tháng 07/2024, Công ty TNHH R đã đóng hết tiền tháng 08/2022 và còn nợ số tiền 417.904.109 đồng.

Về yêu cầu chốt sổ và trả sổ BHXH của bà Thị D tại Công ty TNHH R, BHXH D đề nghị Công ty TNHH R thanh toán số tiền nợ BHXH, BHYT, BHTN tính riêng bà Thị D cho cơ quan B đến thời điểm nghỉ việc và làm hồ sơ bảo lưu BHXH gửi lên BHXH Dĩ An để BHXH Dĩ An bảo lưu sổ, trả tờ rời bảo lưu cho bà Thị D theo đúng quy định.

Về các yêu cầu khác của Bà Thị D, BHXH D không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: nguyên đơn khởi kiện tranh chấp bảo hiểm xã hội phát sinh từ quan hệ lao động với bị đơn. Bị đơn có trụ sở tại số D, đường Đ, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vì vậy, đây là vụ án “Tranh chấp về bảo hiểm xã hội” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành

phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 32, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Quá trình tố tụng, nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất chưa đóng và chốt BHXH cho nguyên đơn theo quy định. Đây là sự thừa nhận của các đương sự cho nên không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng: Căn cứ vào sự thừa nhận của các đương sự có cơ sở xác định giữa nguyên đơn với bị đơn có quan hệ lao động với nhau. Quan hệ lao động giữa nguyên đơn và bị đơn trên tinh thần tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên có giá trị và hiệu lực thi hành. Quá trình làm việc nguyên đơn được bị đơn tham gia bảo hiểm xã hội tại Bảo hiểm xã hội thành phố D và hàng tháng bị đơn vẫn trích tiền lương của nguyên đơn để tham gia bảo hiểm xã hội, nhưng bị đơn không đóng cho Cơ quan bảo hiểm xã hội nên Cơ quan bảo hiểm xã hội không chốt sổ cho bà D theo quy định được.

Việc đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc là trách nhiệm của người sử dụng lao động và người lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 19 “*Trách nhiệm của người lao động 1. Đóng bảo hiểm xã hội theo quy định của Luật này...*” và khoản 2 Điều 21 “*Trách nhiệm của người sử dụng lao động 2. Đóng bảo hiểm xã hội theo quy định tại Điều 86 và hàng tháng trích từ tiền lương của người lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 85 của Luật này để đóng cùng một lúc vào quỹ bảo hiểm xã hội...*” Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014. Theo lời trình bày của người đại diện hợp pháp của Bảo hiểm xã hội thành phố D xác nhận công ty TNHH R có tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 08/2022 đến tháng 10/2022 cho bà L nhưng công ty chưa đóng tiền bảo hiểm xã hội, công ty TNHH R nợ tiền bảo hiểm từ tháng 08/2022 cho đến tháng 10/2022, nên chưa thể chốt sổ bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật. Quá trình tố tụng, bị đơn cũng thừa nhận chưa đóng bảo hiểm xã hội cho bà D của tháng 9/2022 và tháng 10/2022. Như vậy, việc bị đơn đã trừ tiền lương hàng tháng của nguyên đơn nhưng không trích nộp tiền bảo hiểm xã hội, không chốt sổ bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn là vi phạm đến quyền lợi, hợp pháp của nguyên đơn theo quy định tại khoản 5 Điều 21 “*5. Phối hợp với cơ quan bảo hiểm xã hội trả sổ bảo hiểm xã hội cho người lao động, xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc hoặc thôi việc theo quy định của pháp luật*” và là hành vi bị nghiêm cấm quy định tại khoản 1 Điều 17 “*Trốn đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp*” Luật bảo hiểm xã hội năm 2014 nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 09/2022 cho đến tháng 10/2022 và lập hồ sơ xác nhận thời gian tham gia bảo hiểm xã hội là có căn cứ.

[5] Từ những phân tích trên, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Về án phí lao động sơ thẩm: bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 32, 40, 92, 147, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; căn cứ các Điều 17, 19 và 21 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014; căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Thị D đối với Công ty TNHH R về việc tranh chấp về bảo hiểm xã hội.

Buộc Công ty TNHH R có trách nhiệm đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 9/2022 đến tháng 10/2022 và xác nhận thời gian tham gia bảo hiểm xã hội cho bà Thị D.

2. Án phí lao động sơ thẩm: Công ty TNHH R phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn đồng) án phí không có giá ngạch.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- CCTHADS thành phố Dĩ An;
- Đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Kiều Thị Uyên

Bản án số: 03/2024/LĐ-ST
Ngày 09-8-2024
V/v tranh chấp về bảo hiểm xã hội

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Sơn Tây.
2. Bà Võ Thị Hồng Tươi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Phương Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Giáp - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Lao động thụ lý số: 19/2024/TLST-LĐ ngày 11 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp về bảo hiểm xã hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST-LĐ ngày 04 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hà Thị Ngư M, sinh năm 1986; địa chỉ: tổ A, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH G; địa chỉ: khu phố G, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bảo hiểm xã hội thành phố T; Địa chỉ: khu phố E, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 5 năm 2024 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Hà Thị Ngư M trình bày:

Bà Hà Thị Ngư M bắt đầu làm việc tại Công ty TNHH G (sau đây gọi tắt là Công ty) từ ngày 13/4/2015, hai bên có ký hợp đồng lao động, mức lương khởi điểm là 4.700.000 đồng. Bà M được công ty Đ từ tháng 08/2015. Đến tháng 01/2024, do có việc gia đình nên bà M làm đơn xin nghỉ việc tại Công ty và được Công ty C. Đến ngày 25/01/2024, Công ty ban hành quyết định nghỉ việc cho bà M. Tuy nhiên, Công ty chưa chốt sổ bảo hiểm xã hội cho bà M đầy đủ mặc dù hàng tháng các công ty vẫn trích từ tiền lương của bà để đóng bảo hiểm. Do quyền lợi bị ảnh hưởng nên bà Hà Thị Ngư M khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH G có trách nhiệm chốt sổ bảo hiểm xã hội cho bà từ tháng 10/2015 đến tháng 01/2024. Ngoài ra bà M không có ý kiến gì khác.

- Đối với bị đơn Công ty TNHH G:

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt cho bị đơn thông báo thụ lý vụ án, thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ, yêu cầu tham gia phiên họp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Như vậy, việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án.

- Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 09/7/2024, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố T trình bày:

Công ty TNHH G bắt đầu tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp tại BHXH thị xã T (nay là thành phố T) từ tháng 08/2015, tính đến tháng 6/2024 Công ty TNHH G còn nợ số tiền 3.755.377.317 đồng, đã nộp tiền bảo hiểm xã hội đến tháng 01/2018. Công ty Đ cho bà M từ tháng 08/2015 đến tháng 01/2024. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà M, đề nghị Công ty có trách nhiệm đóng tiền và chốt sổ cho bà M từ tháng 08/2015 đến tháng 01/2024 theo quy định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự.

Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt nên căn cứ vào các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập và các đương sự cung cấp đã được thẩm tra tại phiên tòa, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả diễn biến tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ vào quan hệ lao động giữa nguyên đơn và bị đơn, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tòa án xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp lao động, cụ thể là “Tranh chấp về bảo hiểm xã hội”. Bị đơn Công ty TNHH G có trụ sở tại khu phố G, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên theo điểm c khoản 1 Điều 35 và điểm b, đ khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn Công ty TNHH G đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do; nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cung cấp thì có cơ sở xác định giữa nguyên đơn với bị đơn có quan hệ lao động với nhau. Quan hệ lao động giữa nguyên đơn và bị đơn trên tinh thần tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên có giá trị và hiệu lực thi hành. Quá trình làm việc nguyên đơn được bị đơn tham gia bảo hiểm xã hội và hàng tháng bị đơn vẫn trích tiền lương của nguyên đơn để tham gia bảo hiểm xã hội.

Hết tháng 01/2024, bà M chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty TNHH G. Việc chấm dứt hợp đồng lao động là tự nguyện, tuy nhiên, Công ty TNHH G không hoàn tất thủ tục để chốt sổ bảo hiểm xã hội và trả sổ bảo hiểm xã hội cho bà M làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà M.

Việc đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc là trách nhiệm của người sử dụng lao động và người lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 19 và khoản 2 Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội. Theo lời trình bày của người đại diện hợp pháp của Bảo hiểm xã hội T xác nhận Công ty TNHH G có tham gia bảo hiểm xã hội cho bà M từ tháng 08/2015 đến tháng 01/2024 (đã nộp tiền bảo hiểm xã hội cho đến hết tháng 01/2018), thời gian còn lại bị đơn đang nợ tiền bảo hiểm xã hội nên chưa thể chốt sổ bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật. Như vậy, việc bị đơn đã trừ tiền lương hàng tháng của nguyên đơn nhưng không trích nộp tiền bảo hiểm xã hội, không chốt sổ bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn là vi phạm đến quyền lợi, hợp pháp của nguyên đơn theo quy định tại khoản 5 Điều 21 và là hành vi bị nghiêm cấm quy định tại khoản 1 Điều 17 Luật bảo hiểm xã hội năm 2014; khoản 2 và khoản 3 Điều 47 Bộ Luật lao động nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[3] Từ những phân tích trên có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ý kiến đề xuất giải quyết vụ án của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật.

[4] Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu. Bị đơn Công ty TNHH G phải chịu án phí lao động sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 144, 147, 228, 235, 238, 244, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Điều 48 Bộ luật Lao động; căn cứ Điều 21 và Điều 86 Luật Bảo hiểm xã hội; căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14/30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hà Thị Ngự M đối với bị đơn Công ty TNHH G về việc “Tranh chấp về bảo hiểm xã hội”:

Buộc Công ty TNHH G phải xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội của bà Hà Thị Ngự M từ tháng 10/2015 đến tháng 01/2024.

Bà Hà Thị Ngự M có quyền liên hệ Cơ quan Bảo hiểm xã hội để thực hiện thủ tục xác nhận quá trình đóng bảo hiểm xã hội theo quy định pháp luật.

2. Về án phí lao động sơ thẩm:

- Bà Hà Thị Ngự M không phải chịu.

- Công ty TNHH G phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

3. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP Tân Uyên;
- Chi cục THADS TP Tân Uyên;
- Dương sự;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Quyết

Bản án số: 07/2023/LĐ-ST

Ngày: 25/9/2023

V/v: “Tranh chấp về bảo hiểm xã hội”.



NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Phú Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Xuyên

2. Bà Đặng Thị Ngọc Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Linh Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Sương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 3 thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2023/TLST-LĐ ngày 08 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXXST-LĐ ngày 15 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2023/QĐST-LĐ ngày 05 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà T.H.T.M.N, sinh năm 1994

Địa chỉ: 55/13 Đường C, khu phố B, Phường H, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. (có đơn xin vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn V.T

Trụ sở: 511 Đường P, Phường X, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà N.T.T.T

Địa chỉ thường trú: 4/ đường Đ, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/6/2023, bản tự khai, biên bản trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà T.H.T.M.N trình bày:

Ngày 05/02/2020, bà và Công ty Trách nhiệm hữu hạn V.T (gọi tắt là Công ty V.T) có ký kết Hợp đồng lao động số TT-HCM-017/HDLĐ/20/01 và Phụ lục hợp

đồng lao động số TT-HCM-017/HDLĐ/20/01, thời hạn hợp đồng từ ngày 05/02/2020 đến 30/12/2020. Theo hợp đồng này, mức lương tham gia bảo hiểm xã hội là 19.750.000 đồng/tháng; tỷ lệ trích đóng bảo hiểm hàng tháng là 32% (tương đương 6.320.000 đồng), trong đó người lao động trích đóng 10.5% và người sử dụng lao động trích đóng 21.5%. Đến ngày 21/11/2020, bà nhận được thông báo chuyển đổi hợp đồng lao động từ Công ty V.T sang Công ty Trách nhiệm hữu hạn Q.N. Bà và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Q.N (gọi tắt là Công ty Q.N) có ký kết Hợp đồng lao động số TT-HCM-004.HDLĐ/20/01, thời hạn hợp đồng là 01 tháng 10 ngày, từ ngày 21/11/2020 đến 31/12/2020. Theo đó, toàn bộ người lao động đang ký kết hợp đồng với Công ty V.T sẽ do Công ty Q.N trực tiếp quản lý và tiếp tục đóng bảo hiểm xã hội nối tiếp với thời gian đóng thời gian bảo hiểm xã hội tại Công ty V.T.

Năm 2021, bà kết thúc hợp đồng với Công ty V.T. Vì tính chất dịch bệnh phức tạp, nên phía Công ty V.T báo là hết giãn cách sẽ chốt sổ bảo hiểm xã hội cho bà. Đến tháng 7/2022, bà truy cập phần mềm VssID để kiểm tra quá trình đóng bảo hiểm xã hội thì mới phát hiện Công ty V.T chưa thực hiện việc đóng bảo hiểm xã hội cho bà từ tháng 02/2020 đến tháng 11/2020 (tổng cộng là 10 tháng). Bà đã yêu cầu tiến hành hòa giải hai lần tại Phòng Lao động và Thương binh xã hội Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng không thành. Nhận thấy, không thể tiếp tục thương lượng, Công ty V.T không có thái độ hợp tác, nay bà yêu cầu: Buộc Công ty V.T thực hiện việc đóng tiền bảo hiểm xã hội còn thiếu cho bà từ tháng 02/2020 đến tháng 11/2020 (tổng cộng là 10 tháng) với mức lương được ký kết trong hợp đồng lao động là 19.750.000 đồng/tháng. Đồng thời, yêu cầu Công ty V.T tiến hành chốt sổ và trả sổ bảo hiểm xã hội cho bà.

Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn V.T và người đại diện theo pháp luật đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết Giấy triệu tập, Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật, nhưng vẫn không có mặt nên Tòa án không thu thập được ý kiến của Công ty Trách nhiệm hữu hạn V.T.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc bị đơn đóng tiền bảo hiểm bao gồm bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 02/2020 đến tháng 11/2020. Đồng thời chốt và trả sổ bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn.

Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn V.T và người đại diện theo pháp luật vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án theo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án, căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

[1.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn đóng tiền bảo hiểm xã hội là tranh chấp về bảo hiểm xã hội thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3 theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Căn cứ kết quả trả lời xác minh của Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh thì Công ty V.T có trụ sở tại 511 Đường B, Phường X, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến nay doanh nghiệp nêu trên chưa đăng ký giải thể. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh theo điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Xét bị đơn Công ty TNHH V.T và người đại diện theo pháp luật đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết Giấy triệu tập, Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt, nên Tòa án tiến hành lập biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 208, Điều 210 Bộ luật Tố tụng dân sự và đưa vụ án ra xét xử là phù hợp.

[2.2] Xét bị đơn Công ty TNHH V.T và người đại diện theo pháp luật đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.3] Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt nguyên đơn theo qui định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[3.1]. Căn cứ Hợp đồng lao động số TT-HCM-004.HDLD/20/01 ngày 05/02/2020 giữa Công ty V.T và bà T.H.T.M.N có xác lập hợp đồng lao động, loại hợp đồng thời vụ 10 tháng 27 ngày, mức lương chính 19.750.000 đồng. Tỷ lệ trích đóng bảo hiểm hàng tháng công ty V.T đóng 21,5% bao gồm bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và người lao động đóng 10,5% bằng hình thức trích trừ tiền lương hàng tháng. Khi phát sinh hợp đồng lao động thì theo quy định tại khoản 1 Điều 186 Bộ luật lao động năm 2012: *“Người sử dụng lao động, người lao động phải tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp và được hưởng các chế độ theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và pháp luật về bảo hiểm y tế”*.

[3.2] Căn cứ chi tiết bảng lương hàng tháng và sao kê tài khoản do nguyên đơn cung cấp từ tháng 02/2020 đến tháng 11/2020, Công ty V.T đều trích tiền lương của bà M.N theo quy định để nộp tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp.

[3.3] Tại khoản 2 Điều 21 Luật bảo hiểm xã hội quy định: “*Đóng bảo hiểm xã hội theo quy định tại Điều 86 và hằng tháng trích từ tiền lương của người lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 85 của Luật này để đóng cùng một lúc vào quỹ bảo hiểm xã hội*”, theo khoản 2 Điều 44 Luật việc làm năm 2013 quy định: “*Hằng tháng, người sử dụng lao động đóng bảo hiểm thất nghiệp theo mức quy định tại điểm b khoản 1 Điều 57 của Luật này và trích tiền lương của từng người lao động theo mức quy định tại điểm a khoản 1 Điều 57 của Luật này để đóng cùng một lúc vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp*” và theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Luật Bảo hiểm y tế năm 2008, được sửa đổi bổ sung năm 2014 “*Hằng tháng, người sử dụng lao động đóng bảo hiểm y tế cho người lao động và trích tiền đóng bảo hiểm y tế từ tiền lương của người lao động để nộp cùng một lúc vào quỹ bảo hiểm y tế*”. Căn cứ vào những quy định trên thì hàng tháng Công ty TNHH V.T có trách nhiệm đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động, cụ thể ở đây là bà T.H.T.M.N. Căn cứ công văn 438/BHXH-TST ngày 07/7/2023 của Bảo hiểm xã hội Quận 3 thì Công ty V.T có đăng ký tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN cho bà T.H.T.M.N, sinh năm 1994, số CCCD 075194008691 từ tháng 02/2020 – 10/2020, mức lương 19.500.000 đồng, sau đó điều chỉnh lên mức lương 19.750.000 đồng. Tuy nhiên tính đến ngày 05/7/2023 thì Công ty TNHH V.T chỉ hoàn thành việc trích nộp BHXH cho người lao động đến tháng 8/2019. Căn cứ nội dung trả lời xác minh cho thấy Công ty TNHH V.T đã không trích nộp BHXH cho bà T.H.T.M.N, mặc dù hàng tháng Công ty V.T đều trích trừ tiền lương của bà M.N từ tháng 02/2020 đến tháng 11/2020, để đóng bảo hiểm (bao gồm bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp) cho bà M.N. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định Công ty trách nhiệm hữu hạn V.T đã vi phạm hợp đồng lao động, không thực hiện đúng trách nhiệm của mình, dẫn đến phát sinh nợ các loại bảo hiểm tại Bảo hiểm xã hội Quận 3. Vì vậy chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty TNHH V.T phải thực hiện đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho bà M.N từ tháng 02/2020 đến tháng 11/2020 và chốt sổ bảo hiểm xã hội đến tháng 11/2020 theo mức tiền lương là 19.750.000 đồng tại Bảo hiểm xã hội Quận 3 theo hồ sơ đã đăng ký.

[4] Quá trình hòa giải tranh chấp lao động tại Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội Quận 3, Công ty TNHH V.T luôn vắng mặt. Tòa án đã nhiều lần thông báo và triệu tập bị đơn Công ty TNHH V.T để có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuy nhiên Công ty TNHH V.T vẫn không có mặt. Như vậy thể hiện Công ty TNHH V.T không có thiện chí trong việc hòa giải tranh chấp đối với nguyên đơn, đồng thời cũng không đưa ra bất kỳ ý kiến phản đối nào với yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với những qui định pháp luật đã được viện dẫn ở trên nên có cơ sở để chấp nhận.

[5] Xét ý kiến của đại diện viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí lao động sơ thẩm: bị đơn phải chịu án phí là 300.000 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 208, Điều 227, Điều 228, Điều 238 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 186 Bộ luật lao động năm 2012;

Căn cứ các Điều 18, 19, 21, 22, 23, 85 và 86 Luật bảo hiểm xã hội;

Căn cứ Điều 44 Luật việc làm năm 2013;

Căn cứ các Điều 13, 15 và Điều 15 Luật Bảo hiểm y tế năm 2008, được sửa đổi bổ sung năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn V.T phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho bà T.H.T.M.N từ tháng 02/2020 đến tháng 11/2020 tại Bảo hiểm xã hội Quận 3. Mức lương đóng bảo hiểm là 19.750.000 đồng. Sau khi hoàn thành việc đóng bảo hiểm xã hội thì chốt sổ bảo hiểm xã hội tương ứng với thời gian đóng bảo hiểm và trả lại sổ bảo hiểm cho bà T.H.T.M.N.

- Công ty trách nhiệm hữu hạn V.T còn phải chịu khoản tiền lãi do chậm đóng các khoản bảo hiểm trên cho Bảo hiểm xã hội Quận 3 với mức lãi suất theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội tương ứng với thời gian chậm đóng.

2. Về án phí: Công ty trách nhiệm hữu hạn V.T phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo:

Bà T.H.T.M.N và Công ty trách nhiệm hữu hạn V.T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- VKSND Quận 3;
- Chi cục THA Dân sự Quận 3;
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Phú Oanh